

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	2
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI	11
1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên.....	11
1.2. Khái quát về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	17
1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường.....	29
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022.....	31
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	31
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022...	50
2.3. Đánh giá nguyên nhân tồn tại trong thực hiện kế hoạch năm 2022	56
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	57
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất.....	57
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	60
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	65
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	81
3.5. Diện tích đất cần thu hồi	82
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.....	84
3.7. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng	84
3.8. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch	86
3.9. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch	86
3.10. Sự phù hợp phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 với quy hoạch xây dựng.....	90
3.11. Đánh giá tác động của kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đến kinh tế - xã hội và môi trường	90
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	92
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	92
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	94
4.3. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	95
4.4. Các giải pháp khác	97
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	101

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. SỰ CẦN THIẾT LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Đất đai là nguồn tài nguyên có hạn nhưng lại là điều kiện không thể thiếu được trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Hầu hết các ngành, các lĩnh vực đều có nhu cầu sử dụng đất đai. Tài nguyên đất có hạn không tái tạo lại được, trong đó dân số tăng nhanh dẫn đến nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích ngày càng tăng. Để giải quyết vấn đề này cần phân bổ sử dụng đất đai một cách hợp lý, có hiệu quả theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định tại Khoản 1 Điều 54 “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”; Luật Đất đai năm 2013 tại Điều 22 Khoản 4 quy định "Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai".

Kế hoạch sử dụng đất là việc phân chia quy hoạch sử dụng đất theo thời gian để thực hiện trong kỳ quy hoạch; là công cụ, biện pháp để Nhà nước quản lý, tổ chức sử dụng đất đai có hiệu quả; có ý nghĩa quan trọng vì đất đai là một trong những nguồn lực để phát triển, nhưng quỹ đất đai lại bị giới hạn trong khi các nhu cầu sử dụng đất ngày càng tăng nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Để đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý, sử dụng đất trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời phục vụ cho việc quản lý, khai thác và bảo vệ nguồn tài nguyên đất đai một cách khoa học, tiết kiệm, đạt hiệu quả cao và làm căn cứ để thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp GCN QSD đất, cho thuê đất trên địa bàn huyện trong năm 2023, UBND huyện Bắc Mê đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, các ngành chức năng có liên quan phối hợp cùng Đơn vị tư vấn lập: **“Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang”**.

2. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Căn cứ pháp lý của công tác lập kế hoạch sử dụng đất

- Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 06 năm 2001;
- Luật số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Di sản Văn hóa của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;
- Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế tỉnh Hà Giang;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 năm 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

- Công văn số 1785/UBND-KTTH ngày 20 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Giang về việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 các huyện, thành phố;

- Công văn số 2089/STNMT-QLĐĐ ngày 28 năm 07 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng lập Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

2.2. Cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 ngày 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng;

- Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chính Phủ về phòng thủ dân sự;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực Tài nguyên Môi trường;

- Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của trung tâm văn hóa - thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của nhà văn hóa - khu thể thao thôn;

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải, hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 2393/2014/VBHN-BVHTTDL ngày 22 tháng 7 tháng 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về mẫu tổ chức, hoạt động và tiêu chí của nhà văn hóa - khu thể thao thôn;

- Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số

45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Quyết định số 2120/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 7 năm 2014 về việc đính chính Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của nhà văn hóa - khu thể thao thôn;

- Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

- Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Giang thông qua Danh mục công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Giang Phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công năm 2021 sử dụng nguồn vốn đầu tư công thuộc cấp tỉnh quản lý;

- Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 2) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Giang về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hà Giang;

- Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

- Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22 tháng 03 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục công trình dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 1) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

- Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27 tháng 05 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục công trình dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 2) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

- Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 15 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục công trình dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 3) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

- Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2012 của UBND tỉnh phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng chung xây dựng thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê, giai đoạn 2003-2030;

- Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2013 của UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2014 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch Quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Hà Giang đến năm 2025;

- Quyết định số 2036/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thủy lợi tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 30 tháng 07 tháng 2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh đất lâm nghiệp và ba loại rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2025;

- Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Hà Giang về ban hành bảng giá đất chi tiết trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2020-2024;

- Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang;

- Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang;

- Quyết định 924/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Bổ sung Danh mục công trình, dự án và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của các huyện, thành phố;

- Quyết định 1261/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh Hà Giang ban hành Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050;

- Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Giang về việc bổ sung Danh mục công trình, dự án và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 (đợt 1) trên địa bàn các huyện, thành phố.

- Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Bổ sung Danh mục công trình, dự án và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 (đợt 2) trên địa bàn các huyện, thành phố.

- Quyết định số 1373/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Giang về việc bổ sung Danh mục công trình, dự án và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 (đợt 3) trên địa bàn các huyện, thành phố.

- Quyết định số 1827/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Giang về việc bổ sung Danh mục công trình, dự án và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 (đợt 4) trên địa bàn các huyện, thành phố.

- Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Giang quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

- Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân huyện Bắc Mê về việc phê duyệt danh mục đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2026 trên địa bàn huyện Bắc Mê;

- Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2021 của UBND huyện Bắc Mê về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Yên Định, huyện Bắc Mê giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Bắc Mê về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Bắc Mê về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Lạc Nông huyện Bắc Mê, giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 2431/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Bắc Mê về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Minh Ngọc giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 3083/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện Bắc Mê về việc giao nhiệm vụ cho các đơn vị làm chủ đầu tư các công trình thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2022 trên địa huyện Bắc Mê;

- Quyết định số 3990/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Bắc Mê về việc phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn huyện Bắc Mê năm 2023;

- Công văn số 1920/BTL-TM ngày 28/4/2020 của Bộ Tư lệnh Quân khu 2 về việc triển khai thực hiện lập Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.3. Cơ sở thông tin số liệu, tư liệu bản đồ

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bắc Mê đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bắc Mê;

- Hồ sơ Thống kê đất đai năm 2022 huyện Bắc Mê;

- Hồ sơ Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Bắc Mê;

- Các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2022 của huyện.

3. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NHIỆM VỤ CỦA VIỆC LẬP KẾ HOẠCH

3.1. Mục đích

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Bắc Mê đáp ứng đủ yêu cầu về phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của huyện nói chung và các xã, thị trấn nói riêng trên cơ sở tuân thủ đúng quy định của pháp luật, tạo ra công cụ hữu hiệu giúp các cấp chính quyền tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

- Quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững.

- Phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực về đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh.

3.2. Yêu cầu

- Nội dung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện Bắc Mê đến năm 2030.

- Kế hoạch sử dụng đất phải đảm bảo tính khả thi, tính khoa học, phù hợp với quy hoạch của tỉnh đã được phê duyệt, các chỉ tiêu được quy hoạch tỉnh phân khai, đảm bảo đất đai được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện, nhu cầu của thị trường, tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển đồng bộ giữa các ngành, các lĩnh vực trong huyện.

- Đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc, căn cứ, nội dung theo quy định tại Luật Đất đai năm 2013, Luật Quy hoạch năm 2017, Luật số 35/2018/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT.

3.3. Nhiệm vụ

- Điều tra, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện Bắc Mê.

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022:

+ Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện;

+ Phân tích, đánh giá các thông tin, tài liệu liên quan đến việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện;

+ Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022;

+ Xây dựng các báo cáo chuyên đề, bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2022.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê:

+ Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

+ Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện;

+ Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

+ Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch 2023 đến từng đơn vị hành chính cấp xã;

+ Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án có sử dụng đất để thực hiện thu hồi đất trong năm 2023;

+ Xác định diện tích cần phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm 2023;

+ Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm 2023;

+ Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê;

+ Lập hệ thống bảng, biểu số liệu phân tích, sơ đồ, biểu đồ;

+ Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê;

+ Xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê.

3. SẢN PHẨM GIAO NỘP

Sản phẩm kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (theo Quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường) là 05 bộ, mỗi bộ gồm có:

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê (có biểu kèm theo).

- Báo cáo chuyên đề (các loại).

- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê.

- Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê.

- Bản đồ các khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023.

- Bản đồ rà soát kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên

1.1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1.1. Vị trí địa lý

Bắc Mê là huyện nằm ở phía Đông tỉnh Hà Giang có tọa độ địa lý từ 22^o34'00" đến 22^o55'00" vĩ độ Bắc từ 105^o00'00" đến 105^o30'12" kinh độ Đông, có địa giới hành chính tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Yên Minh;
- Phía Đông giáp huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;
- Phía Nam giáp huyện Na Hang và huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;
- Phía Tây giáp huyện Vị Xuyên.

Diện tích tự nhiên của huyện là 85.606,55 ha gồm 13 đơn vị hành chính cấp xã. Huyện Bắc Mê có Quốc lộ 34 chạy qua với chiều dài khoảng 64 km nối liền trung tâm huyện với thành phố Hà Giang, đây là một trong những điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện và giao thương hàng hóa với các vùng. Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có ĐT.176 nối từ km 31 Quốc lộ 34 đi lên trung tâm xã Minh Sơn huyện Bắc Mê và đi tiếp lên huyện Yên Minh là một trong những điều kiện thuận lợi trong việc phát triển kinh tế, văn hoá và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp.

1.1.1.2. Địa hình, địa mạo

Huyện Bắc Mê thuộc vùng núi thấp của tỉnh Hà Giang, có độ cao trung bình từ 200 m - 700 m so với mặt nước biển, địa hình khá phức tạp, bị chia cắt mạnh tạo thành nhiều khe sâu và dốc lớn; cao từ phía Bắc và Nam đổ dồn xuống sông Gâm tạo thành thung lũng lòng máng chạy từ Đông sang Tây.

- Vùng núi cao: Gồm các đơn vị hành chính cấp xã: Yên Phú, Thượng Tân, Minh Sơn, Giáp Trung, Yên Phong, Yên Cường, Phiêng Luông, Đường Hồng và Phú Nam; phần lớn diện tích đất ở địa hình này đều có độ dốc trên 25°, đá mẹ lộ thiên tạo thành nhiều cụm và chủ yếu là đá Granit.

- Vùng đồi núi thấp gồm các xã: Yên Định, Minh Ngọc, Lạc Nông, các đá mẹ mẫu chất ở địa hình này có đá biến chất, đá vôi, đá cát.

1.1.1.3. Khí hậu

Bắc Mê nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa nóng ẩm, mưa nhiều chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa, nhưng do nằm sâu trong lục địa nên chịu ảnh hưởng của mưa bão trong mùa hè, gió mùa Đông Bắc trong mùa đông ít hơn các nơi khác thuộc vùng Đông Bắc Bộ. Thời tiết trong năm chia thành 2 mùa rõ rệt: Mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10.

- Nhiệt độ: Nhiệt độ không khí trung bình năm là 15,7⁰C, nhiệt độ cao nhất trung bình năm 19,7⁰C và nhiệt độ thấp nhất trung bình năm 13⁰C. Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối 30,5⁰C và nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối 5⁰C - 6⁰C.

- Độ ẩm: Bình quân năm là 84%, số giờ nắng trung bình năm 1.407 giờ và số ngày có sương mù trong năm từ 43 - 58 ngày.

- Lượng mưa: Bình quân/năm 1.745 mm tập trung chủ yếu từ tháng 5 đến tháng 10, thời tiết nóng, ẩm, mưa nhiều tập trung vào các tháng 6, 7, 8; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Do địa hình dốc, đá vôi nên khả năng giữ nước rất hạn chế, nguồn nước mặt rất khan hiếm.

1.1.1.4. Thủy văn

Bắc Mê có sông Gâm chảy từ Cao Bằng qua địa phận xã Yên Phong, Phú Nam về trung tâm huyện và đổ về Na Hang (Tuyên Quang). Đoạn chảy qua huyện Bắc Mê dài 45 km. Đây là con sông nhỏ, nhiều thác ghềnh, nước chảy xiết, thuyền bè đi lại khá khó khăn. Bên cạnh đó Bắc Mê còn có nhiều mạch nước chảy từ triền đồi, chân núi tạo ra tạo thành khe suối. Những mạch nước, khe suối này không chỉ cung cấp nước sinh hoạt mà còn có ý nghĩa để hình thành phát triển ruộng bậc thang.

Thủy điện Na Hang (tỉnh Tuyên Quang) tích nước đã hình thành khu vực lòng hồ thủy điện có ảnh hưởng tới 4 xã, thị trấn của huyện, tạo ra tuyến du lịch sinh thái vùng lòng hồ nổi tiếng Bắc Mê - Na Hang (Tuyên Quang) - Ba Bể (Bắc Kạn) đồng thời mang lại tiềm năng nuôi trồng, đánh bắt thủy sản.

1.1.2. Tài nguyên thiên nhiên

1.1.2.1. Tài nguyên đất

Bắc Mê có nhiều loại đất được hình thành qua quá trình phong hóa từ các loại đá mẹ như đá vôi, phiến thạch, đất sét, sa thạch. Về cấu tạo địa chất chia thành 2 dạng vùng núi đất và vùng núi đá, nhưng phần lớn là đồi núi đất xen những dãy núi đá vôi. Những loại đất chính gồm đất đỏ vàng, đất vàng nhạt, đất nâu trên phù sa cổ, đất dốc tụ và bồi tụ.

Theo kết quả điều tra nghiên cứu của Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp xây dựng bản đồ đất huyện Bắc Mê, tài nguyên đất của huyện được chia thành các nhóm chính sau:

*** Nhóm đất phù sa (P)**

Diện tích 1.537,0 ha, chiếm 1,80% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm 5 loại: Đất phù sa được bồi đắp hàng năm (Pb); đất phù sa không được bồi đắp hàng năm (P); đất phù sa có tầng loang lổ (Pf); đất phù sa glây (Pg); đất phù sa ngòi suối (Py).

Nhóm đất phù sa phân bố chủ yếu ở ven sông Gâm và ngòi suối, chất lượng phù sa tốt, giàu chất dinh dưỡng, thành phần cơ giới đất tương đối mịn, tỷ lệ sét (Clay), limiom (silt) cao (riêng đất phù sa được bồi và đất phù sa không bồi thành phần cơ giới nhẹ hơn, thường cát pha, thịt nhẹ). Phản ứng đất ít chua (pH thường trên 4,5); hàm lượng cation kiềm đạt mức trung bình, độ no Bazo nhỏ hơn 50% (V%); chất hữu cơ và đạm khá; lân ở mức trung bình và nghèo (P_2O_5 : 0,02 - 0,07%); kali tổng số khá, song kali trao đổi thấp. Nhìn chung đất thích hợp với sinh trưởng và phát triển của cây lúa.

Cần tập trung đầu tư thâm canh trên đất phù sa, tận dụng hết diện tích đất, kết hợp các biện pháp thủy lợi, phân bón chế độ mùa vụ, giống cây trồng để đạt hiệu quả cao. Tăng cường bón phân lân trên các đất phù sa glây, phù sa có tầng loang lổ, kết hợp bón vôi để cải tạo độ chua đất. Các vùng đất phù sa ven sông cần đưa vào sử dụng trồng hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày. Đối với đất phù sa ngòi suối có địa hình khá bằng, khai thác nguồn nước suối sẵn có để trồng các cây lương thực ngắn ngày như lúa, ngô và các loại đậu đỗ.

** Nhóm đất xám (X)*

Diện tích 73.277,00 ha, chiếm 85,60% tổng diện tích tự nhiên, với loại đất chính là đất xám trên đá Granite (Xa). Phân bố ở các xã trong huyện, tầng đất thường mỏng, nhiều đá lẫn, kết vón; phản ứng đất chua; nghèo chất hữu cơ, đạm và các chất dinh dưỡng khác. Trong loại đất này, diện tích đất có độ dốc < 5°, có khả năng phát triển nông nghiệp và cây công nghiệp chiếm khoảng 26% trong thời gian tới sẽ khai thác đưa vào sản xuất nông nghiệp.

** Nhóm đất đỏ vàng (F)*

Diện tích 468,00 ha, chiếm khoảng 0,54% diện tích tự nhiên, gồm các loại: Đất có màu vàng đỏ chủ đạo, tầng đất dày thay đổi theo mức độ địa hình, chủ yếu là tầng đất dày độ dốc lớn (> 25°), địa hình đồi núi cao, chia cắt mạnh. Phân bố chủ yếu ở các xã Phiêng Luông, Yên Phong và thị trấn Yên Phú, đất có thành phần cơ giới nặng, phản ứng của đất chua hoặc ít chua, hàm lượng mùn và đạm tổng số từ khá đến giàu.

** Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá (E)*

Diện tích 237,00 ha, chiếm 0,28% tổng diện tích đất tự nhiên, phân bố ở 2 xã Đường Âm và Yên Phong, nhóm đất này là sản phẩm của xói mòn đất, tầng đất mỏng < 30 cm; thành phần cơ giới của đất biến động từ nhẹ đến trung bình, đất có phản ứng chua, hàm lượng mùn và đạm tổng số từ nghèo đến trung bình, đây là nhóm đất xấu cần phục hồi đất bằng cách trồng rừng và tạo thảm thực vật che phủ.

* Nhóm loại đất còn lại có diện tích 100,09 ha chiếm 11,78% tổng diện tích đất toàn huyện. Nhóm đất này gồm có đất thung lũng dốc tụ, đất nâu đỏ trên đá vôi, đất đỏ vàng trên phiến sét...

1.1.2.2. Tài nguyên nước

** Nước mặt*

Theo kết quả phân tích sông Gâm cho thấy một số chỉ tiêu đo được như pH = 7,13, độ đục 24, độ cứng 99 mm/l, chỉ tiêu này lớn hơn nhiều so với tiêu chuẩn cho phép, kẽm 0,21mg/l, Crôm 0,001 mg/l, sắt 0,10 mg/l, Mangan 0,03 mg/l, chì không xác định, Asen không xác định, đây là nguồn nước mặt chủ yếu của huyện. Nguồn nước này bắt nguồn từ tỉnh Cao Bằng chảy qua các xã Yên Phong, Phú Nam về trung tâm huyện và chảy qua huyện Na Hang tỉnh Tuyên Quang, ngoài ra trên địa bàn huyện Bắc Mê còn có hệ thống suối lớn nhỏ phân bố rải rác trên địa bàn huyện đổ dồn về sông Gâm, trong đó có các suối lớn nhỏ như suối Minh Ngọc, Bản Chì, Ngòi Ma từ Tùng Bá đổ về. Do địa hình phức tạp và lượng mưa phân bố không đều vì vậy mùa mưa thường gây ra lũ lụt gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

** Nước ngầm*

Hiện nguồn nước ngầm trên địa bàn huyện chưa được khảo sát, đánh giá chi tiết nhưng qua điều tra cho thấy mực nước ngầm dao động trong khoảng 16m - 20m. Tại các giếng đào của các hộ dân có chất lượng tốt, không có dấu hiệu bị ô nhiễm. Nguồn nước ngầm đã bắt đầu được chú ý khai thác mạnh sử dụng cho sinh hoạt của người dân thông qua các chương trình đưa nước sạch về vùng nông thôn của Nhà nước. Bên cạnh đó, nó cũng đặt ra nhiều vấn đề như việc nghiên cứu sử dụng nguồn nước này sao cho đảm bảo tính khoa học, hợp lý, hiệu quả đồng thời có biện pháp ngăn ngừa các hình thức sử dụng làm ô nhiễm nguồn nước ngầm.

1.1.2.3. Tài nguyên khoáng sản

Theo các kết quả điều tra, khảo sát sơ bộ trên địa bàn huyện Bắc Mê có các tài nguyên khoáng sản như sau:

- Mỏ quặng sắt Sàng Thần - xã Minh Sơn;
- Mỏ quặng Chì - Kẽm xã Minh Sơn;
- Mỏ quặng Đá Kim loại - tại thôn Sàng Thần ở xã Minh Sơn;
- Mỏ quặng sắt Thâm Thiu, Thâm quặng VII, VIII, xã Giáp Trung;

- Mỏ quặng Mangan mỏ Nà Viên thôn Nà Nèn, thị trấn Yên Phú;
- Mỏ quặng Angtymon tại thôn Hạ Sơn II, xã Lạc Nông;
- Mỏ quặng Mangan tại thôn Nà Pia, Yên Phú.

Nguồn khoáng sản ở địa phương là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp khai khoáng và luyện kim.

Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có đá vôi, cát sỏi có thể khai thác với quy mô nhỏ, đáp ứng nhu cầu tại chỗ về vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện.

1.1.2.4. Tài nguyên rừng

Là huyện miền núi nên Bắc Mê có tiềm năng rừng khá lớn; tổng diện tích đất lâm nghiệp năm 2022 là 54.933,19 ha; chiếm 64,17% diện tích tự nhiên. Trong đó diện tích đất trồng rừng sản xuất là 26.286,22 ha; đất rừng phòng hộ là 17.864,12 ha; đất rừng đặc dụng là 10.782,85 ha.

Hệ thực vật: Do điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng, rừng núi huyện Bắc Mê có nhiều loại gỗ quý như: Đinh, Trò, Nghiến, Lát Hoa và đặc biệt còn sót lại một ít Pơ Mu ở Minh Sơn, ở các vùng thấp gần dân do trải qua quá trình tác động mạnh và liên tục của việc phát nương làm rẫy đã làm cho tài nguyên rừng trở nên nghèo nàn, ở đây chỉ còn sót lại các loại như: Trám, Sáng Máu Chó, De, Vạng, Sồi, Rẻ và các loài cây ưa ánh sáng, nhanh phục hồi sau khi bị tàn phá.

Hệ động vật: Có những loài động vật quý hiếm như: Khỉ Vàng, Beo Lửa, Sóc Niệc Nâu, Yềng Quạ, Tắc Kè, Rồng Đất, Rắn Cạp Nong, Rắn Hồ Mang... Nhưng do diện tích rừng bị giảm mạnh trong những thập niên qua, cùng với tập quán săn bắn bừa bãi nên hầu hết các loài thú quý hiếm bị suy giảm cả về số loài cũng như về cá thể, trong đó nhiều loài đã bị tiêu diệt.

Nhìn chung trong những năm gần đây được sự hỗ trợ của các chương trình, dự án trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc Nhân dân đã chú ý nhiều đến việc trồng rừng, trồng cây ăn quả dài ngày, do đó thảm thực vật rừng được khôi phục và ngày càng phát triển.

1.1.2.5. Tài nguyên thủy sản

Tuy là một huyện miền núi không có thế mạnh về thủy sản nhưng huyện Bắc Mê lại có những loài thủy sản quý, hiếm, có giá trị đặc biệt. Trên sông Gâm có thể tìm thấy các loại tôm, cua, cá chỉ có ở khu vực nguồn sông có nhiều ghềnh đá đặc biệt ở đây có loại cá Dầm Xanh, cá Anh Vũ ngon nổi tiếng... Phát huy nguồn lợi thủy sản trong những năm gần đây ở nhiều nơi Nhân dân đã biết tận dụng mặt nước, các đầm, ao, hồ để nuôi thả các loại tôm, cá có thời gian sinh

trường ngắn, năng suất cao. Một số nơi bà con nông dân còn kết hợp trồng lúa và thả cá trên những chân ruộng nước.

1.1.2.6. Tài nguyên nhân văn

Lịch sử hình thành, phát triển của vùng đất và con người huyện Bắc Mê gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của các dân tộc Việt Nam. Trên địa bàn huyện hiện có nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống (trong đó: dân tộc H'Mông chiếm 26,31%; dân tộc Dao chiếm 36,58%; dân tộc Tày chiếm 31,48%; dân tộc Kinh chiếm 4,22%; dân tộc Nùng chiếm 0,75%; còn lại là các dân tộc khác như Thái, Mường, Giáy... Mỗi dân tộc với những truyền thống và bản sắc riêng đã hình thành nên nền văn hóa rất đa dạng và phong phú, có nhiều nét độc đáo, giàu tính nhân văn sâu sắc.

Cộng đồng các dân tộc huyện Bắc Mê với những truyền thống và bản sắc riêng đã hình thành nên nền văn hóa rất đa dạng và phong phú, có nhiều nét độc đáo, giàu tính nhân văn sâu sắc. Sự giàu có, đa dạng của kho tàng văn hóa nghệ thuật dân gian về cơ bản vẫn được bảo tồn và lưu truyền cho đến ngày nay, được thể hiện qua các truyện cổ tích, thần thoại, ca dao, tục ngữ, câu đối, hát ru, các làn điệu dân ca trữ tình. Mỗi dân tộc có những nét văn hoá đặc trưng riêng gắn với nhiều nghề truyền thống mang tính nghệ thuật cao như: nghệ thuật tạo hình trên thổ cẩm của người H'Mông; nghệ thuật thêu, vẽ hoa văn của người Dao; hàng mây, tre đan và đồ trang sức thể hiện sinh động đặc sắc của đời sống tinh thần của mỗi dân tộc.

1.1.2.7. Tài nguyên du lịch

- Du lịch tham quan, khám phá: Hang Đán Cúm, Nà Chảo, Tả Lùng, Tiến Xuân xã Yên Cường, thác đổ Lạc Nông; Điểm dừng chân, tham quan tại khu vực giáp ranh thành phố Hà Giang, chợ liên xã Phú Nam - Yên Phong; Kho muối Lạc Nông; Di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia Căng Bắc Mê...

- Du lịch trải nghiệm: Làng văn hóa du lịch cộng đồng thôn Bản Lạn thị trấn Yên Phú; Làng văn hóa thôn Bản Noong, Bản Khén xã Lạc Nông...

- Ngoài ra trên địa bàn huyện có thể khai thác các tour du lịch như: Tour du lịch Lòng Hồ Thủy Điện Tuyên Quang tại các xã Yên Phú, Minh Ngọc, Lạc Nông và Thượng Tân; Khai thác tua du lịch từ trung tâm huyện đi Na Hang - Tuyên Quang; Phát triển thương mại du lịch ven lòng hồ thủy điện.

1.2. Khái quát về thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.2.1. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

a. Nông lâm nghiệp

Các chương trình, nhiệm vụ trọng tâm lĩnh vực nông nghiệp được tập trung thực hiện có hiệu quả, cụ thể như:

- Trồng trọt:

Tổng diện tích gieo trồng 9.311,0 ha; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 34.071,7 tấn; giá trị bình quân/ha đất canh tác là 55,2 triệu đồng Trong đó, cây Lúa 2.743,0 ha; Ngô 5.369,5 ha; Đậu tương 665,0 ha; cây Lạc 533,5 ha.

Cây ăn quả: Trong năm thực hiện trồng mới các loại cây ăn quả như Bưởi Diễn, Bưởi Da xanh, Táo, Chanh... được 17,4 ha.

Cây dược liệu:

+ Cây Hồi trồng mới được 12,5 ha. Lũy kế tổng diện tích Hồi hiện có là 320,2 ha; diện tích cho nguyên liệu chưng cất tinh dầu Hồi là 264,65 ha, sản lượng 39.697,5 lít.

+ Cây Nghệ trồng mới được 317,8 ha; năng suất trung bình 141,0 tạ/ha; sản lượng đạt 4.480,98 tấn; giá trị thu được đạt 13,443 triệu đồng.

+ Cây dược liệu khác trồng mới 2022 gồm: Cây Ý Dĩ 5,3 ha (Phiêng Luông); 0,2 ha Đinh Lăng (Đường Âm); cây Bồ kết 7,0 ha và cây Ba kích 1,0 ha (xã Lạc Nông).

Cây chè: Lũy kế diện tích cây Chè các năm trước hiện có 398,0 ha, giảm 28,8 ha so với cùng kỳ (cùng kỳ 426,8 ha), năng suất đạt 32,8 tạ/ha, sản lượng 1.305,8 tấn.

- Chăn nuôi, thú y: Trong năm phát triển 05 gia trại chăn nuôi. Lũy kế trên địa bàn huyện có 77 gia trại chăn nuôi. Tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp thực hiện đến cuối năm 2022 đạt 32,7%/36,5%, đạt 89,5% so với Nghị quyết. Trong năm đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định. Thực hiện nghiêm công tác kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y được 1.496 con gia súc các loại. Vận động Nhân dân thực hiện phong trào trồng cỏ chăn nuôi trên các diện tích đất chưa sử dụng, đất ven đường, diện tích canh tác hoa màu kém hiệu quả sang trồng cỏ phục vụ chăn nuôi. Đến hết năm 2022 trồng được 328,8/300 ha, đạt 109,6% so với kế hoạch, nâng tổng diện tích đất trồng cỏ hiện có trên địa bàn huyện là 1.126,4 ha.

- Về thủy sản: Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 05/11/2020 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện các chương trình trọng tâm nông, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản năm 2022 trên địa bàn huyện.

Trong năm phát triển mới được 67/35 lồng cá, đạt 191,4% so với kế hoạch. Tổng toàn huyện hiện có 45 hộ nuôi cá lồng với tổng số 224 lồng; có 02 Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản trên lồng hồ. Tổng diện tích đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện lũy kế 87,0 ha. Sản lượng cá nuôi đạt 77,6 tấn, tăng 14,7 tấn so với cùng kỳ (cùng kỳ 62,9 tấn); sản lượng khai thác thủy sản đạt 84,5 tấn, tăng 7,7 tấn so với cùng kỳ (cùng kỳ 76,8 tấn).

- Lâm nghiệp:

+ Công tác quản lý, bảo vệ rừng: Duy trì các hoạt động Ban chỉ đạo kế hoạch BVR & PCCCR của huyện; 13 Ban chỉ huy các xã, thị trấn; 139 tổ bảo vệ rừng - PCCCR tại các thôn, bản; cập nhật, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng 13/13 xã, thị trấn; lập 10 ô tiêu chuẩn điều tra, dự báo sâu bệnh hại rừng. Quản lý bảo vệ 10.538,0 ha rừng theo Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh.

+ Công tác phát triển rừng: Tổng diện tích rừng trồng tập trung thực hiện trong năm trồng được 1.009,23/820,0 ha kế hoạch, đạt 123,07% kế hoạch (trong đó diện tích cây Quế 184,85 ha), cụ thể: Trồng theo kế hoạch tỉnh giao theo Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 thực hiện được 120/120 ha, đạt 100% kế hoạch; Nhân dân tự trồng 889,23/700 ha, đạt 127,0% kế hoạch (gồm trồng sau khai thác 264,5 ha; trồng mới 624,73 ha). Trong năm Nhân dân chủ động xây dựng 04 vườn ươm giống cây trồng các loại, chỉ đạo duy trì 11 vườn ươm được ngân sách huyện hỗ trợ, nâng tổng số vườn ươm lên 15 vườn. Đến 31/12/2022 đã gieo ươm được tổng số 59,0 vạn cây, số cây xuất vườn 41,0 vạn cây, cơ bản đã chủ động được nguồn cây giống lâm nghiệp phục vụ công tác trồng rừng năm 2022. Phối hợp với Quỹ bảo vệ phát triển rừng tỉnh Hà Giang tổ chức thành công Hội thi tuyên truyền chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng gắn với công tác bảo vệ và phát triển rừng theo Kế hoạch số 338/KH-UBND ngày 20/7/2022 của UBND huyện, thông qua Hội thi nâng cao nhận thức của người dân về thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng từ đó nâng cao hiệu quả việc thực hiện chính sách gắn với công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn huyện.

b. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng

- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Chỉ đạo các ngành chuyên môn rà soát, kiểm tra hoạt động của các điểm khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế thực hiện năm 2022 đạt 1.498.200 triệu đồng, bằng 102,32% so với cùng kỳ. Hoàn thành việc thay thế

Trạm biếp áp thôn Phia Dầu, xã Yên Định; chuẩn bị đầy đủ hồ sơ 02 công trình đường dây cấp điện 0,4 kV thôn Thâm Khun, xã Yên Phong và Đường dây cấp điện 0,4 kV thôn Giáp Cư, xã Lạc Nông đề nghị Công ty Điện Lực Hà Giang tạm bàn giao cho ngành điện quản lý 02 công trình trên. Đồng thời, UBND huyện đã làm việc và đề nghị Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh đẩy nhanh tiến độ đóng điện công trình điện tại thôn Bó Lúa, Nà Pông, Thâm Khiêu, Khuổi Phung, xã Giáp Trung.

- *Xây dựng*: UBND huyện đã chỉ đạo khởi công mới 43 công trình/140 tổng số công trình (trong đó: 03 Chương trình MTQG khởi công 6/103 công trình); hoàn thành nghiệm thu, bàn giao quản lý, sử dụng 14 công trình do huyện làm chủ đầu tư; giao các xã, thị trấn làm chủ đầu tư hoàn thành 12/37 tổng số công trình; 02 công trình do Sở Giao thông Vận tải và Ban quản lý dự án ĐTXD tỉnh làm chủ đầu tư. Tiếp tục chỉ đạo thi công 09 công trình năm 2021 chuyển sang; cấp 24 giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu vực đô thị; 04 giấy chấp thuận san, đào đất tạo mặt bằng và vận chuyển đất, đá thải khi cải tạo, san lấp mặt bằng; 03 giấy phép hoạt động kinh doanh các mặt hàng, 02 giấy phép bán lẻ thuốc lá.

c. Thương mại - dịch vụ - du lịch

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ thực hiện cả năm đạt 546.817,3 triệu đồng, tăng 41.307,5 triệu đồng, tăng 8,17% so với cùng kỳ. Phê duyệt Phương án chuyển đổi mô hình kinh doanh, khai thác và quản lý chợ trung tâm xã Yên Định. Đồng thời quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu kinh doanh, khai thác và quản lý chợ trung tâm xã Yên Định. Xây dựng phương án chuyển đổi mô hình kinh doanh, khai thác, quản lý chợ xã Thượng Tân và chợ xã Lạc Nông, thực hiện nâng cấp chợ Yên Cường, đầu tư xây dựng mới chợ Minh Sơn từ chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào thiểu số.

- Tham gia Hội chợ thương mại Festival Huế và Hội chợ triển lãm “Mỗi xã, phường một sản phẩm - Thái Nguyên năm 2022; tham gia trưng bày, giới thiệu sản phẩm của huyện tại không gian giới thiệu sản phẩm OCOP, sản phẩm hàng hoá nông nghiệp đặc trưng của tỉnh. Đăng ký thông tin doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia chương trình kết nối giao thương giữa nhà cung cấp khu vực phía Bắc và Bắc Trung Bộ với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại. Triển khai cho các đơn vị đề xuất, đăng ký dự án, nhiệm vụ thực hiện Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” năm 2023.

- Công tác quản lý thị trường được tăng cường thường xuyên; tình hình giá cả, hàng hóa, dịch vụ cơ bản ổn định; đã xử lý hành chính, thu nộp ngân sách Nhà nước 86,5 triệu đồng.

- Về dịch vụ: Phát triển mới 01 chuỗi nhà hàng kết hợp với khu vui chơi giải trí tổng hợp, nâng cấp mở rộng 2 nhà nghỉ. Xây dựng mới 01 khách sạn, mở thêm các dịch vụ ăn uống, giải khát, ăn đêm... tại trung tâm các xã và thị trấn. Các mặt hàng làm quà lưu niệm đặc trưng của địa phương phục vụ cho du khách còn ít, chỉ có một số sản phẩm OCOP như tinh bột nghệ, tinh dầu hồi...

- Về du lịch: Năm 2022 huyện Bắc Mê đón 39.130 lượt khách du lịch. Liên kết, phối hợp khai thác các tour, tuyến du lịch trong tỉnh và các huyện giáp ranh theo ký kết hợp tác du lịch vùng. Đồng thời quy hoạch thêm các tuyến du lịch nội huyện như: Làng văn hóa du lịch cộng đồng Nà Khâu, xã Đường Hồng, thôn Kẹp B, xã Minh Sơn; Du lịch trải nghiệm như quần thể cây Chò Chỉ xã Phú Nam, rừng nguyên sinh, suối đỏ xã Phiêng Luông và các hang Đán Cúm, Nà Chảo xã Yên Cường, Thác Nà Phia thị trấn Yên Phú, thác Kẹp B xã Minh Sơn, thác đổ Bản Noong, xã Lạc Nông, Thác Tiên Xuân xã Yên Cường, thu hút đông đảo khách trong và ngoài tỉnh.

d. Phát triển các thành phần kinh tế và thu hút đầu tư

Tiếp tục chỉ đạo các ngành chức năng kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc để có các giải pháp tháo gỡ, tạo mọi điều kiện thúc đẩy sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Trong năm 2022 đã tiếp nhận giải quyết 173 hồ sơ đăng ký kinh doanh, thành lập mới 04 HTX nâng tổng số HTX hiện có trên địa bàn huyện lên 51 HTX; thành lập mới 11 Tổ hợp tác có 33 thành viên, hoạt động chủ yếu về sản xuất, dịch vụ nông nghiệp. Chỉ đạo kiểm tra tình hình hoạt động của HTX, hộ kinh doanh trên địa bàn huyện năm 2022, kết quả có 16 HTX hoạt động có hiệu quả, 14 HTX ngừng hoạt động, 06 HTX hoạt động không hiệu quả. Tiếp tục chỉ đạo các ngành chuyên môn tạo mọi điều kiện thuận lợi để các Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác... nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhiều HTX đã liên kết thực hiện sản phẩm OCOP tạo ra nhiều sản phẩm cung ứng ra thị trường góp phần nâng cao thu nhập cho người dân và các thành viên của HTX.

e. Tài chính, tín dụng

- Tài chính: Công tác quản lý tài chính được chú trọng, triển khai thực hiện nghiêm túc Luật Ngân sách Nhà nước, điều hành chi ngân sách đảm bảo hoàn

thành các nhiệm vụ chính trị của huyện, công tác an sinh xã hội được tăng cường. Đồng thời đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc sử dụng ngân sách. Thực hiện công khai, minh bạch các nguồn tài chính theo quy định của pháp luật.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước thực hiện 180.963,9 triệu đồng/251.788 triệu đồng, đạt 71,87% dự toán tỉnh và huyện giao, trong đó: Thu thuế và phí ước thực hiện 172.873,9 triệu đồng/248.188 triệu đồng, đạt 69,65% dự toán tỉnh và huyện giao. Thu khác ngân sách: 3.090 triệu đồng/2.100 triệu đồng, ước đạt 147,1% dự toán tỉnh và huyện giao; ghi thu viện trợ, tài trợ quản lý qua ngân sách Nhà nước ước thực hiện 5.000 triệu đồng/1.500 triệu đồng, đạt 333,33% KH giao.

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 884.152,1 triệu đồng; trong đó: Chi ngân sách huyện 752.219,4 triệu đồng, chi ngân sách xã 131.932,7 triệu đồng ước chi cả năm đạt 100% KH.

Kết quả giải ngân các nguồn vốn: Số vốn đã giải ngân đến ngày 15/12/2022 đạt 80.778,83 triệu đồng/274.832,39 triệu đồng đạt 29,39% KH.

- Tín dụng: Tiếp tục triển khai các giải pháp tăng trưởng tín dụng đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng; tập trung vốn tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên các cơ chế chính sách của tỉnh đang tập trung triển khai trên địa bàn. Tổng nguồn vốn của các ngân hàng đạt 445,825 tỷ đồng; tổng dư nợ của các ngân hàng 548,100 tỷ đồng, dư nợ xấu chiếm 0,7% tổng dư nợ. Ngoài ra các ngân hàng tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; tiếp tục triển khai các biện pháp đáp ứng đủ vốn cho nhu cầu vay vốn của Nhân dân, doanh nghiệp, hợp HTX để sản xuất kinh doanh, phát triển chăn nuôi. Các đơn vị tiếp tục thực hiện thanh toán chi trả lương qua tài khoản, các ngân hàng đáp ứng kịp thời nhu cầu tiền mặt tại các điểm giao dịch và ATM, đảm bảo hoạt động thông suốt nhu cầu của Nhân dân.

f. Cơ sở hạ tầng

**** Giao thông***

Hiện tại trên địa bàn huyện Bắc Mê có 03 tuyến giao thông chính là Quốc lộ 34; Tỉnh lộ 176 nối từ km 31- QL 34 đi lên trung tâm xã Minh Sơn và đi tiếp lên huyện Yên Minh; đường tỉnh 280 từ cầu Bắc Sáp (thị trấn Yên Phú) đi thôn Pom Cút xã Đường Âm. 13/13 số xã, thị trấn có đường ô tô rải nhựa đến trung tâm xã và 100% thôn bản có đường ô tô đường dân sinh.

Nhìn chung mạng lưới giao thông đường bộ của huyện đã hình thành cơ bản các tuyến đường từ trung tâm huyện lỵ đến các xã. Tuy nhiên nền đường còn hẹp, chất lượng quá kém, mặt khác hệ thống cầu cống trên tất cả các tuyến đường chủ yếu là bán vĩnh cửu và cầu tạm chưa đáp ứng nhu cầu về giao thông trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn những năm tới.

Huyện đã phối hợp với Sở Giao thông Vận tải thực hiện khảo sát 01 cầu cứng qua sông Gâm tại trung tâm huyện dự kiến thi công năm 2023; triển khai hoàn thành sửa chữa mặt đường tuyến đường Minh Ngọc - Thượng Tân (do Sở Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư) chiều dài 16 km; hoàn thành nâng cấp, rải nhựa mặt đường đoạn Thượng Tân đến thôn Khuổi Trang, xã Thượng Tân; hoàn thiện hồ sơ đầu tư nâng cấp tuyến đường: Nà Phiêng (Km 18 Quốc lộ 280) đi UBND xã Đường Hồng. Huy động nguồn xã hội hóa đầu tư xây dựng hoàn thành cầu cứng bê tông cốt thép từ thôn Nà Pồng đi xóm Mã Lùng xã Giáp Trung ; Cầu cứng đường từ thôn Độc Lập đi thôn Đoàn Kết xã Đường Âm. Thực hiện triển khai ký cam kết đối với 521 tổ chức, hộ gia đình có công trình, đất nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ không lấn chiếm hành lang an toàn giao thông; hoàn thành lắp đặt biển báo địa giới hành chính theo địa bàn giáp ranh giữa các xã, thị trấn dọc theo sông Gâm.

** Thủy lợi*

Được sự quan tâm đầu tư của trung ương, của tỉnh, huyện Bắc Mê đã tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi bằng nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi hàng năm của huyện, đến nay huyện đã xây dựng được nhiều công trình phục vụ tưới tiêu. Việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đã làm đổi mới bộ mặt nông thôn, giảm bớt được rất nhiều khó khăn cho cuộc sống đồng bào các dân tộc trong huyện. Các công trình thủy lợi đã góp phần đáng kể trong việc khai hoang mở rộng diện tích, thâm canh tăng vụ và tăng năng suất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đồng thời góp phần giải quyết nước sinh hoạt cho một bộ phận đồng bào vùng thiếu nước.

Vào đầu mỗi vụ sản xuất, UBND huyện chỉ đạo cơ quan chức năng tập trung triển khai công tác phòng, chống hạn cho cây trồng và thống kê hiện trạng các công trình thủy lợi để có kế hoạch duy tu, sửa chữa. Các công trình thủy lợi tập trung tại một số xã trọng điểm về trồng lúa như: Yên Định, Minh Sơn, Minh Ngọc, Lạc Nông, Phú Nam, Yên Phong và thị trấn Yên Phú. Để quản lý, khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi trên địa bàn, bên cạnh việc đầu tư xây mới thì

huyện Bắc Mê rất chú trọng đến việc tu sửa, bảo dưỡng các công trình thủy lợi. Qua đó, các công trình thủy lợi đã được đầu tư xây dựng và phát huy tối đa hiệu quả đáp ứng tốt nhu cầu nước tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

Thực hiện tiêu chí về thủy lợi trong xây dựng nông thôn mới với phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, thời gian qua, huyện Bắc Mê đã hỗ trợ xi măng và một phần kinh phí, số còn lại tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia đóng góp ngày công, vật liệu để tu sửa và nâng cấp một số tuyến kênh mương xuống cấp, đảm bảo nguồn nước phục vụ cho công tác tưới tiêu. Nhờ quản lý và khai thác tốt các công trình thủy lợi mà các địa phương trên địa bàn huyện đã thực hiện hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thời tiết, phát huy đúng tiềm năng, thế mạnh từng tiểu vùng. Hiệu quả sản xuất nông nghiệp luôn đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tổng sản lượng lương thực, thủy sản của huyện tăng dần qua từng năm.

g. Giáo dục và đào tạo

Tập trung thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ huyện, các chỉ tiêu được HĐND và UBND giao về công tác giáo dục. Chỉ đạo triển khai quyết định của chủ tịch UBND tỉnh về việc cho học sinh nghỉ học trực tiếp để phòng chống dịch Covid-19; rà soát, đánh giá sắp xếp lại các lớp ghép, ban hành kế hoạch phân luồng, tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022-2023. Hoàn thành, tổ chức thành công Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022 đảm bảo an toàn, không có trường hợp vi phạm quy chế. Tổ chức Hội nghị tổng kết và tuyên dương giáo viên, học sinh có thành tích xuất sắc năm học 2021-2022; thực hiện chi trả các chế độ, chính sách cho học sinh năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo trên địa bàn huyện. Tổ chức thành công Hội thi Giáo viên dạy giỏi Tiểu học và Giáo viên chủ nhiệm giỏi THCS cấp huyện năm học 2021-2022. Tổ chức Lễ công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia đối với Trường Mầm Non Yên Phú. Thực hiện xây dựng trường chuẩn năm 2022 công nhận mới 02 trường (TH Phú Nam, MN Phú Nam); công nhận lại 02 trường (TH Lạc Nông, MN Yên Phong). Thực hiện chuyển đổi mô hình trường Tiểu học Đường Âm thành trường PTDTBT TH Đường Âm; thực hiện đề án sáp nhập 2 trường (MN Hoa Hồng và trường MN Yên Phú) thành trường Mầm non Yên Phú. Tuyên truyền, vận động học sinh đến lớp đảm bảo sỹ số học sinh tại các đơn vị trường học, tỷ lệ huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi đi học mẫu giáo 96,8%,

đạt 100,3% KH; tỷ lệ trẻ từ 6-14 tuổi đến trường đạt 99%, đạt 100% KH; tỷ lệ duy trì sỹ số hàng ngày đạt 98,3% đạt 100% KH.

h. Y tế, dân số

Năm 2022 thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe Nhân dân; tổ chức, triển khai các Chương trình mục tiêu y tế Quốc gia năm 2022 theo kế hoạch; triển khai thực hiện duy trì thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã, gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 và hưởng ứng tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn huyện; Phối hợp với Sở Y tế Hà Giang chăm phúc tra Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã tại 5 xã; kết quả 5/5 xã đều đạt duy trì Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã năm 2022. Tiếp tục duy trì thực hiện mô hình Bác sỹ y học gia đình; thực hiện công tác phòng chống HIV/AIDS, sốt xuất huyết; phòng chống bệnh không lây nhiễm trên địa bàn. Triển khai các hoạt động Chăm sóc sức khỏe sinh sản, chiến dịch kế hoạch hóa gia đình ; tiếp tục tiến hành kiểm tra, giám sát công tác y tế trường học, phòng chống dịch bệnh năm 2022; triển khai thực hiện kiểm tra giám sát công tác đảm bảo ATTP, phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại các nhà hàng ăn uống phục vụ các Kỳ họp, Đại hội, Hội nghị và Kỳ thi tốt nghiệp THPT cấp huyện, các trường học trên địa bàn; tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra ATVSTP, thực hiện “*Tháng cao điểm về an toàn thực phẩm*”; trong năm không có ngộ độc thực phẩm xảy ra.

i. Lao động, việc làm , giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội

- Thực hiện chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các tầng lớp Nhân dân, người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội được đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định. Tổ chức thăm hỏi, trao 1.215 suất quà của tỉnh, huyện trị giá 1.005,86 triệu đồng cho các đối tượng chính sách nhân dịp các ngày lễ, tết. Tiếp nhận và cấp phát 44.175 kg gạo cho 644 hộ thiếu đói trong dịp Tết. Cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo mỗi năm tạo việc làm cho trên 1.000 lao động; giải quyết việc làm cho 1.595/1.400 lao động đạt 113,92% KH; đạt 159,5% Nghị quyết. Tỷ lệ lao động qua đào tạo 52,6%; tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt 78,3%; xuất khẩu lao động và đưa lao động đi làm việc ở các khu công nghiệp trong nước 713 người đạt 134,52% KH. Phối hợp với Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam tổ chức tư vấn tuyển sinh đào tạo nghề tại 06 xã, thị trấn,

có 21 lao động đi làm việc tại Tập đoàn than khoáng sản. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức Hội chợ việc làm năm 2022 tại huyện với 1.805 người tham gia.

- Thực hiện hiệu quả chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác gắn với chính sách khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao khoa học kỹ thuật và nhân rộng mô hình giảm nghèo một cách có hiệu quả. Tổng số hộ nghèo giảm trong năm 350 hộ/300 hộ, đạt 116,7% KH. Tính đến nay toàn huyện đến còn 5.157 hộ nghèo với 27.175 khẩu, chiếm tỷ lệ 45,40% (giảm 3,43% so năm 2021); 2.098 hộ cận nghèo với 10.777 khẩu, chiếm tỷ lệ 18,74% (giảm 0,02% so với năm 2021); 4.105 hộ không nghèo với 18.993 khẩu, chiếm tỷ lệ 36,14%.

k. Văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, tuyên truyền

Chỉ đạo thực hiện tốt công tác văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, du lịch; Duy trì thường xuyên tiếp âm tiếp sóng Đài Tiếng nói Việt Nam - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh - Đài huyện tại 02 trạm trung tâm và các trạm cơ sở; thực hiện 24/24 chương trình truyền thanh địa phương đạt 100% KH. Hoạt động của Trang thông tin điện tử, chuyên trang phát thanh huyện được duy trì, số tin bài được biên tập đưa lên trang phục vụ độc giả thường xuyên, kịp thời. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên địa bàn huyện; tăng cường đấu tranh phản bác những luận điệu chống phá của các thế lực thù địch. Tham gia Đại hội TDTT toàn tỉnh lần thứ IX giải Bóng chuyền toàn tỉnh, giải cầu lông câu lạc bộ tỉnh Hà Giang đạt nhiều thành tích. Tổ chức thành công các môn thi đấu năm trong Đại hội TDTT Huyện Bắc Mê lần thứ VII năm 2022. Thành lập đoàn tham gia giải vô địch Bơi các nhóm tuổi tỉnh Hà Giang năm 2022, giải Bóng bàn cúp Báo Hà Giang năm 2022 đạt nhiều thành tích.

Hướng dẫn, đôn đốc các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đăng ký, thực hiện phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*" năm 2022; tổ chức các hoạt động ngày Gia đình Việt Nam 28/6 theo Kế hoạch. Tổ chức các hoạt động xúc tiến du lịch quảng bá tiềm năng du lịch Bắc Mê bằng nhiều hình thức. Phối hợp Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh, chỉ đạo các cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện, xã tổ chức thành công Lễ Khánh thành Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia Căng Bắc Mê (giai đoạn 1) và hoàn thành bộ ảnh "Đám cưới người Pu Péo" tại xã Yên Cường; phối hợp với Trung tâm xúc tiến

du lịch tổ chức khảo sát xây dựng sản phẩm du lịch trên địa bàn huyện; Phối hợp với Viện nghiên cứu di sản văn hóa Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch hoàn thành phục dựng lễ cúng cơm mới của người Tày thôn Nà Phia (thị trấn Yên Phú); Phối hợp với Hiệp hội du lịch tỉnh Quyết định thành lập Chi hội khách sạn, nhà hàng, du lịch huyện Bắc Mê; quyết định về chỉ định các chức danh trong Ban Chấp hành Chi hội khách sạn, nhà hàng, du lịch huyện Bắc Mê nhiệm kỳ 2022-2026. Tổ chức thành công chuỗi sự kiện; Lễ đón nhận danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia tập quán xã hội và tín ngưỡng “Lễ Cầu mùa, cầu mưa” của dân tộc Dao huyện Bắc Mê; Lễ hội đua Mảng lần thứ VI và Hội thảo xây dựng sản phẩm du lịch huyện Bắc Mê và ra mắt sản phẩm về với “địa chỉ đỏ Căng Bắc Mê” năm 2022.

k. Quốc phòng, an ninh và đối ngoại

- Về quốc phòng: Duy trì nghiêm các chế độ Trực chỉ huy, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định. Lãnh đạo chỉ đạo tốt công tác xây dựng lực lượng, ổn định tổ chức biên chế theo quy định của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, xây dựng lực lượng vũ trang theo hướng “*Chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại*” đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về đảm bảo quốc phòng, an ninh. Chỉ đạo tổ chức thành công Lễ giao nhận quân năm 2022 đảm bảo an toàn chặt chẽ, đúng quy định, hoàn thành 100% chỉ tiêu tình giao. Hoàn thiện khảo sát, thiết kế đối với đầu tư xây dựng mới nhà làm việc Quân sự - Công an xã Phú Nam. Chỉ đạo tổ chức công tác diễn tập ứng phó lụt bão TKCN năm 2022 tại xã Yên Cường. Củng cố huấn luyện DQTV được 15/15 cơ sở, đạt 100%, quân số tham gia huấn luyện 1.114/1.154 đồng chí chiếm 96,5% KH, kết quả đạt loại khá. Tổ chức diễn tập CDPT năm 2022 cho các xã Phiêng Luông, Yên Phong, Thượng Tân, Minh Ngọc. Tổ chức Hội thi mô hình học cụ huấn luyện năm 2022; tổ chức Hội thao trung đội DQCD năm 2022.

- Về an ninh: Tình hình an ninh cơ bản ổn định, không phát hiện vụ việc phức tạp liên quan đến ANCT trên địa bàn. Chỉ đạo tăng cường rà soát, phát hiện các tụ điểm, đối tượng hoạt động mua bán hàng cấm (pháo nổ), ma túy, cờ bạc... đảm bảo ANTT trước trong và sau Tết; thu hồi 40 khẩu súng (12 súng kíp, 28 súng cò); 06 kg thuốc nổ, 286 kíp nổ. Tai tệ nạn xã hội xảy ra 11 vụ; phạm pháp hình sự phát hiện 27 vụ/39 đối tượng, khởi tố vụ án hình sự 25 vụ/37 bị can; chuyển Công an tỉnh 01 vụ/01 đối tượng. Tăng cường tuần tra, kiểm soát xử lý các xe vi phạm.

- Về công tác đối ngoại: Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản, Chỉ thị và hướng dẫn của cấp trên về công tác đối ngoại trong tình hình mới; đồng thời quán triệt, cụ thể hóa văn bản của cấp trên và xây dựng Kế hoạch của UBND huyện triển khai thực hiện hoạt động đối ngoại năm 2022. Chỉ đạo chủ động nắm tình hình hoạt động của các tổ chức nước ngoài hoạt động tại địa bàn; Tổ chức FFI (Tổ chức Bảo tồn Voọc mũi hếch) thực hiện ở địa bàn xã Yên Định và xã Minh Sơn; tổ chức LOAN Stiftung (hỗ trợ nhân đạo). Trong năm 2022 trên địa bàn huyện có 07 người nước ngoài vào địa bàn, có 03 đoàn người nước ngoài vào làm việc tại địa bàn huyện: Đoàn Đại sứ Israel tại Việt Nam vào tiến hành buổi lễ khánh thành “*Thư viện thân thiện*” vào sáng ngày 18/01/2022 tại Trường PTDTBT TH Minh Sơn và đến thăm hộ gia đình bà Lục Thị Lan để tìm hiểu phong tục tập quán và học cách gói bánh chưng đen của người dân tộc Tày; đoàn chuyên gia Người nước ngoài đến kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả quá trình sử dụng bếp lò cải tiến tại xã Minh Sơn (thời gian từ 07/5/2022 đến ngày 10/5/2022); tổ chức LOAN Stiftung làm việc tại xã Minh Sơn. Qua công tác đảm bảo ANTT trong quá trình các đoàn vào địa bàn làm việc chưa phát hiện vấn đề gì phức tạp xảy ra. Số công dân nhập cảnh trái phép 29 trường hợp, qua công tác nắm tình hình chưa phát hiện vấn đề liên quan đến ANTT.

1.2.2. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

a. Thực trạng phát triển đô thị

Huyện Bắc Mê có 01 thị trấn duy nhất là thị trấn Yên Phú với diện tích 7.006,08 ha, dân số trung bình 7.873 người, mật độ dân số 112,38 người/km² với chức năng vai trò là trung tâm chính trị - kinh tế - xã hội của huyện nên thị trấn không ngừng được đầu tư phát triển, mở rộng theo các trục giao thông, bộ mặt kiến trúc đô thị được chỉnh trang, cơ sở hạ tầng đô thị được đầu tư xây dựng, vị trí đô thị ngày càng được khẳng định trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tuy nhiên trong quá trình phát triển và sử dụng đất đô thị của huyện vẫn còn nhiều tồn tại, đó là:

- Hình thái sử dụng đất mang tính chất đô thị hiện đại mới chỉ thể hiện ở một khu vực trung tâm và vẫn còn mang dáng dấp nông thôn.

- Cơ sở kinh tế - kỹ thuật tạo động lực phát triển đô thị cũng như cơ sở hạ tầng trong các đô thị còn yếu kém, chưa đảm bảo các tiêu chuẩn phát triển bền vững của đô thị trong điều kiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Quá trình phát triển chưa đồng bộ trong quy hoạch mở rộng đô thị và đô thị hoá các khu dân cư nông thôn.

Trong giai đoạn tới, để hệ thống đô thị của huyện thực sự hoàn chỉnh xứng đáng với vai trò là trung tâm chính trị, kinh tế - văn hoá - xã hội của các cấp hành chính, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế của vùng, khu vực xung quanh cần thiết phải xây dựng, mở rộng quy mô đô thị, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng (giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải...) các công trình phúc lợi công cộng.

b. Thực trạng phát triển khu dân cư nông thôn

Hệ thống dân cư nông thôn của huyện Bắc Mê phân bố không đồng đều, mật độ dân số thưa nhất là xã Thượng Tân với 37,22 người/km²; mật độ dân số cao nhất là thị trấn Yên Phú với 112,38 người/km².

Các điểm dân cư nông thôn ở huyện miền núi Bắc Mê đời sống còn thấp, điều kiện xã hội và kỹ thuật hạ tầng chưa phát triển. Việc xây dựng phát triển còn chậm và mang tính tự phát, chưa có sự quản lý.

Nhìn chung các khu dân cư nông thôn của huyện chủ yếu là sản xuất nông, lâm nghiệp, đời sống của Nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, do thiếu nhiều điều kiện hạ tầng kỹ thuật và xã hội, việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở khu vực nông thôn tuy đã được quan tâm nhưng vẫn còn chậm và chưa đồng bộ, chưa có sự quản lý chặt chẽ nhất là ở khu vực vùng sâu, vùng xa. Việc bảo vệ môi trường ở các khu vực nông thôn có nhiều hạn chế, chất thải, rác thải sinh hoạt chủ yếu vẫn tự phát theo phương pháp truyền thống, chưa có quy định cụ thể gây ô nhiễm nguồn nước, môi trường đất, không khí...

1.3. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường

1.3.1. Thuận lợi

- Về tự nhiên: Huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang sở hữu hình thái cảnh quan rất phong phú, độc đáo với đầy đủ các loại hình từ vùng gò đồi trung du, đồng bằng, sông rạch, đầm hồ... Với địa thế như vậy đã tạo cho Bắc Mê nhiều không gian kiến trúc, xây dựng nhiều cảnh quan đẹp hài hòa giữa con người với tự nhiên, giữa công trình kiến trúc với môi trường sinh thái.

- Về diện tích đất đai: Bắc Mê có diện tích đất tự nhiên 85.606,55 ha, quỹ đất chưa sử dụng còn lớn, còn nhiều khả năng mở rộng, quy hoạch và phát triển.

- Về khí hậu, thời tiết: Bắc Mê nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa, nhưng do nằm sâu trong lục địa nên ảnh hưởng của mưa bão trong mùa hè, gió mùa Đông Bắc trong mùa đông chịu ảnh hưởng ít hơn các nơi khác thuộc vùng Đông Bắc Bộ. Khí hậu của huyện Bắc Mê thuận lợi cho sản xuất nông - lâm nghiệp, nhất là những loại cây có nguồn gốc nhiệt đới và cận nhiệt.

- Về tài nguyên khoáng sản: huyện Bắc Mê có một số loại khoáng sản quý như: antimon, vàng sa khoáng, sắt, chì, kẽm... Nguồn khoáng sản ở địa phương là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp khai khoáng và luyện kim. Ngoài ra trên địa bàn huyện Bắc Mê có nguồn nguyên vật liệu xây dựng như: đất làm gạch ngói, đá xây dựng khá dồi dào, khai thác thuận tiện là điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng, phát triển nghề thủ công nghiệp truyền thống (làm ngói, gốm...).

- Về môi trường: Bắc Mê là huyện miền núi phía Đông Bắc Bộ, công nghiệp ít phát triển, dân cư tập trung không nhiều nên môi trường còn khá trong lành, tuy nhiên các hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông lâm thủy sản, dịch vụ, du lịch đang trên đà phát triển là một trong những nguyên nhân gây nên ô nhiễm (chủ yếu là rác thải, nước thải).

- Công tác quy hoạch đầu tư xây dựng hạ tầng phát triển thương mại, dịch vụ được tập trung triển khai thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư, hoạt động xúc tiến thương mại được chú trọng. Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, công nghệ thông tin, lưu trú, ăn uống, vận tải có bước phát triển đáng kể.

1.3.2. Những khó khăn, hạn chế

Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ chậm tiến độ và có khả năng không hoàn thành (thu hút khách du lịch, thu ngân sách, chỉ tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo...). Chất lượng một số nhiệm vụ chưa đạt so với yêu cầu như: Việc áp dụng các tiến bộ KHKT vào sản xuất; thâm canh tăng vụ, tăng năng suất hiệu quả chưa cao; việc đánh giá, nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế và trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp chưa hiệu quả. Hoạt động của các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn chưa đáp ứng được theo xu thế phát triển chung.

Việc lập các đồ án Quy hoạch; xây dựng mới và nâng cấp chợ; đề xuất các dự án thu hút đầu tư; việc duy trì, nâng cao hiệu quả của các tổ chức kinh tế trên địa bàn; thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và giải ngân các nguồn vốn... còn gặp rất nhiều khó khăn.

Trồng rừng tập trung theo chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao; việc thực hiện các thủ tục về đầu tư một số dự án tiến độ chậm. Chất lượng cải tạo vườn tạp; việc mỗi xã, thị trấn xây dựng 01 tuyến đường “*Sáng, Xanh, Sạch, Đẹp*” gắn với mô hình “*Nhà sạch, Vườn đẹp*”... chưa đạt yêu cầu.

Công tác Giáo dục và Đào tạo; công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn còn gặp rất khó khăn; việc hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo tiến độ chậm.

Công tác phối hợp, trao đổi thông tin, báo cáo giữa ngành với ngành, ngành với các xã, thị trấn có việc còn thiếu chủ động, linh hoạt. Một số phòng, ban chuyên môn tham mưu phối hợp với các bộ phận của các Sở, ngành còn nhiều hạn chế.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

2.1.1. Kết quả thực hiện công trình dự án năm 2022

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Bắc Mê được UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt tại Quyết định số 2917/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 với tổng số 63 công trình, dự án. Trong năm 2022 đã bổ sung chỉ tiêu chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn 4 xã, thị trấn: xã Lạc Nông, xã Minh Ngọc, xã Yên Định và thị trấn Yên Phú theo Quyết định số 1373/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Giang ngày 26/8/2022 về việc bổ sung Danh mục công trình, dự án và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 (đợt 3) của các huyện, thành phố. Tính đến 31/12/2022 huyện Bắc Mê thực hiện được các công trình, dự án sau:

- Công trình đã và đang thực hiện là 30/63 công trình, dự án chiếm 47,62% tổng công trình, dự án năm 2022 (Trong đó đã hoàn thành 16 công trình, dự án và 14 công trình, dự án đang thực hiện và đang hoàn thiện thủ tục đất đai);
- Công trình dự án chưa thực hiện là 33/63 công trình, dự án chiếm 52,38% tổng công trình, dự án năm 2022.

Bảng 01: Các công trình, dự án đã thực hiện trong kế hoạch năm 2022

STT	Tên dự án, công trình	Mã	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
I	Công trình dự án còn lại				
1.1	Đất an ninh				
1	Xây dựng nhà tạm giam, tạm giữ và hệ thống kho vật chứng công an huyện Bắc Mê (bổ sung)	CAN	0,54	xã Lạc Nông	Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND tỉnh Hà Giang
1.2	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản				
2	Mỏ chì - kẽm Tà Pan, Minh Sơn	SKS	18,28	xã Minh Sơn	Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang
1.3	Đất giao thông				
3	Đường từ thôn Nà Quặc Xã Phú Nam, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang đi xã Thái Học, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.	DGT	4,09	xã Phú Nam	Nghị quyết 20/NQ-HĐND ngày 10/07/2020 của HĐND tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang
4	Nâng cấp mở rộng nền đường liên thôn từ thôn Thâm Quảng đi thôn Nà Nôm, xã Đường Âm	DGT	5,02	xã Đường Âm	
5	Nâng cấp mở rộng nền đường từ thôn Đồn Điền đi thôn Tiến Xuân - Ngã ba đường trung tâm xã đi thôn Nà Chảo, xã Yên Cường	DGT	5,25	xã Yên Cường	Nghị quyết 20/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hà Giang ngày 10/07/2020 về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang
6	Đường liên xóm thôn Lũng Vây đi tổ 1 Hạng mục: Nâng cấp, đổ bê tông mặt đường, cống thoát nước	DGT	6,60	xã Minh Sơn	

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang

STT	Tên dự án, công trình	Mã	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
7	Đường giao thông từ Phiên Sủi đi Lũng Cao	DGT	8,21	xã Giáp Trung	
8	Nhà chò cảng Bắc Mê và bãi đỗ xe	DGT	0,20	xã Yên Cường	Quyết định 1942/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND tỉnh Hà Giang
9	Nhà chò bến thuyền xã Thượng Tân	DGT	0,01	xã Thượng Tân	Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 06/07/2020 của Hội đồng Nhân dân huyện Bắc Mê về việc phê duyệt danh mục đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2026 trên địa bàn huyện
1.4	Đất thủy lợi				
10	Đập tràn qua suối xóm Nậm Nặng thôn Nà Pâu, xã Lạc Nông, huyện Bắc Mê	DTL	0,13	xã Lạc Nông	Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 06/07/2020 của HĐND huyện Bắc Mê về việc phê duyệt danh mục đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2026 trên địa bàn huyện Bắc Mê
1.5	Đất công trình năng lượng				
11	Nâng cao năng lực vận hành lưới điện trung hạ áp khu vực huyện Bắc Mê	DNL	0,01	xã Đường Hồng	Văn bản 3090/PCHG-QLĐT ngày 16/11/2021 của công ty điện lực Hà Giang
12	Nâng cao ổn định lưới điện trung hạ thế khu vực huyện Bắc Mê năm 2020	DNL	0,05	TT Yên Phú	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh
				xã Yên Định	
				xã Thượng Tân	

STT	Tên dự án, công trình	Mã	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý
2.7	Đất chợ				
13	Mở rộng chợ xã Phiêng Luông	DCH	0,47	xã Phiêng Luông	
2.8	Đất danh lam thắng cảnh				
14	Công vào phía Nam công viên địa chất	DDL	0,03	xã Minh Sơn	Văn bản số 1452/SVHTTDL-KHTC ngày 12/10/2021
2.9	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp				
15	Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng Du Già thuộc dự án đầu tư phát triển và nâng cao năng lực Vườn Quốc gia Du già Cao nguyên đá Đòng Văn	DTS	0,30	xã Minh Sơn	Nghị Quyết số 45/NQ-HĐND ngày 03/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang
2.10	Đấu giá quyền sử dụng đất				
16	Đấu giá đất ở xã Thượng Tân	ONT	0,12	xã Thượng Tân	
III	Chỉ tiêu chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân				
	Chuyển mục đích đất ở của hộ gia đình cá nhân	ODT	0,29	TT Yên Phú	
		ONT	0,32	xã Lạc Nông	
		ONT	0,27	xã Minh Ngọc	
		ONT	0,04	xã Đường Hồng	

Trong năm 2022 trên địa bàn huyện Bắc Mê còn 14 công trình đang thực hiện, chưa hoàn thiện thủ tục đất đai (Trong đó có 8 công trình đang hoàn thiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất; 6 công trình đang hoàn thiện thủ tục về đất đai).

Bảng 02: Danh mục công trình, dự án đang thực hiện chưa hoàn thành thủ tục đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022

STT	Tên dự án, công trình	Mã	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (ghi số QĐ, ghi vốn)
I	Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh				
II	Công trình dự án còn lại				
2.1	Đất thương mại dịch vụ				
1	Khu du lịch sinh thái rừng thôn Phia Dầu, xã Yên Định, huyện Bắc Mê (Đầu giá TMD, DKV, DGT)	TMD, DKV, DGT	7,41	xã Yên Định	Quyết định số 5513/QĐ-UBND, ngày 25/11/2021 của UBND huyện Bắc Mê về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu du lịch tại thôn Phia Dầu, xã Yên Định, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang
2.2	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản				
2	Dự án khai thác tuyển quặng Mangan Bản Sáp xã Yên Phú, huyện Bắc Mê (Chủ đầu tư Công ty TNHH đầu tư thương mại và khai thác khoáng sản)	SKS	37,20	thị trấn Yên Phú	Văn bản 3572/STNMT-QLTND ngày 30 tháng 11 năm 2021
2.3	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm				
3	Mỏ đá vôi thôn Bản Đuốc, Xã Yên Phong	SKX	4,40	xã Yên Phong	Quyết định 1261/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của UBND tỉnh Hà Giang Ban hành Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050

STT	Tên dự án, công trình	Mã	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (ghi số QĐ, ghi vốn)
2.4	Đất giao thông				
4	Nâng cấp mở rộng đường từ Km49 QL34 đi thôn Giáp Cự, Xã Lạc Nông	DGT	4,13	xã Lạc Nông	Nghị quyết 20/NQ-HĐND tỉnh Hà Giang ngày 10/7/2020 về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang
5	Đường Vành đai bờ nam sông Gâm từ Lạc Nông đi thôn Đồn Điền thị trấn Yên Phú	DGT	5,00	thị trấn Yên Phú	Quyết định số 3990/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND huyện Bắc Mê về việc phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách Nhà nước thực hiện 03 Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn huyện Bắc Mê năm 2023
			4,50	xã Lạc Nông	
			5,50	xã Yên Cường	
6	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B)	DGT	55,79	xã Minh Ngọc xã Minh Sơn	Nghị Quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22/03/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục công trình dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 1) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

STT	Tên dự án, công trình	Mã	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (ghi số QĐ, ghi vốn)
7	Xử lý 12 vị trí công khuất tầm nhìn tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT Quốc lộ 34, tỉnh Hà Giang	DGT	2,31	huyện Bắc Mê	Nghị Quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22/03/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục công trình dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 1) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang
2.5	Đất xây dựng cơ sở y tế				
8	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê	DYT	4,49	xã Lạc Nông	Nghị Quyết số 108/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang thông qua Danh mục công trình thu hồi và CMĐ sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2018
2.6	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo				
9	Mở rộng Trường THCS + Trường THPT xã Minh Ngọc	DGD	0,73	xã Minh Ngọc	Báo cáo 62/BC-UBND ngày 19/01/2021 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Hà Giang
10	Mở rộng Trường PTDTBT THCS Minh Sơn	DGD	0,47	xã Minh Sơn	Báo cáo 62/BC-UBND ngày 19/01/2021 của Sở giáo dục và đào tạo tỉnh Hà Giang

STT	Tên dự án, công trình	Mã	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý (ghi số QĐ, ghi vốn)
11	Mở rộng trường THPT Bắc Mê	DGD	0,36	thị trấn Yên Phú	Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 06/7/2020 của Hội đồng Nhân dân huyện Bắc Mê về việc phê duyệt danh mục đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2026 trên địa bàn huyện Bắc Mê
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng				
12	Quy hoạch nhà văn hóa Bản Túm	DSH	0,09	xã Yên Cường	
2.8	Đấu giá quyền sử dụng đất				
13	Đấu giá QSDĐ tại xã Yên Định	ONT	0,04	xã Yên Định	
2.9	Đất nông nghiệp khác				
14	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống và trồng một số cây dược liệu quý tại thôn Ngọc trì, xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang	NKH	20,00	xã Minh Sơn	

*** Kết quả thực hiện danh mục công trình trong Nghị quyết thông qua về danh mục công trình thu hồi, chuyển mục đích của HĐND tỉnh Hà Giang**

Tính đến 31/12/2022 huyện Bắc Mê đã và đang thực hiện được 30/63 công trình, dự án (trong đó đã thực hiện được 16 công trình, dự án; 14 công trình, dự án đang thực hiện, chưa hoàn thành thủ tục đất đai), tỷ lệ thực hiện đạt 47,62% số lượng công trình.

Trong đó có 10/28 công trình đã và đang thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua về danh mục công trình thu hồi, chuyển mục đích như sau:

- Theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang thông qua Danh mục công trình thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2018, trong năm 2022 huyện Bắc Mê đang thực hiện công trình: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê.

- Theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Hà Giang về việc thông qua danh mục công trình dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung) năm 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang, trên địa bàn huyện Bắc Mê có tổng số 13 công trình dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng, trong năm 2022 huyện Bắc Mê đã và đang thực hiện được 6 công trình, trong đó:

+ Đã thực hiện thu hồi đất được 5 công trình: Đường từ thôn Nà Quặc xã Phú Nam, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang đi xã Thái Học, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Nâng cấp mở rộng nền đường liên thôn từ thôn Thâm Quảng đi thôn Nà Nôm, xã Đường Âm; Nâng cấp mở rộng nền đường từ thôn Đồn Điền đi thôn Tiến Xuân - Ngã ba đường trung tâm xã đi thôn Nà Chảo, xã Yên Cường; Đường liên xóm thôn Lũng Vầy đi tổ 1 tại xã Minh Sơn; Đường giao thông từ Phiên Sủi đi Lùng Cao.

+ Đang thực hiện thu hồi đất được 1 công trình: Nâng cấp mở rộng đường từ Km49 Quốc lộ 34 đi thôn Giáp Cự, xã Lạc Nông.

- Theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 03/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Giang thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn huyện Bắc Mê có tổng số 2 công trình dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng, trong năm 2022 huyện Bắc Mê đã thực hiện thu hồi đất được 1 công trình dự án: Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng Du Già thuộc dự án đầu tư phát triển và nâng cao năng lực Vườn Quốc gia Du Già - Cao nguyên đá Đồng Văn.

- Theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22/03/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 1) năm 2022 trên địa bàn huyện Bắc Mê có tổng số 3 công trình dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng, trong năm 2022 huyện Bắc Mê đang thực hiện thu hồi đất được 2 công trình dự án: Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B); Xử lý 12 vị trí cong khuất tầm nhìn tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT Quốc lộ 34, tỉnh Hà Giang.

2.1.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 theo chỉ tiêu loại đất

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Bắc Mê như sau:

Bảng 03: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2022		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng(+), giảm(-) (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		85.606,55	85.606,55	-	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	67.019,03	67.628,98	609,95	100,91
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.696,52	3.694,34	-2,18	99,94
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>719,80</i>	<i>719,80</i>	-	100,00
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	7.608,39	7.568,28	-40,11	99,47
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.321,18	1.340,39	19,21	101,45
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	17.806,69	17.864,12	57,43	100,32
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	10.771,57	10.782,85	11,28	100,10
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	25.667,01	26.286,22	619,21	102,41
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>20.860,94</i>	<i>21.177,66</i>	<i>316,72</i>	101,52
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	70,77	70,88	0,11	100,15
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	76,90	21,90	-55,00	28,48
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.104,76	3.904,71	-200,05	95,13
2.1	Đất quốc phòng	CQP	29,45	6,72	-22,73	22,82
2.2	Đất an ninh	CAN	1,54	1,18	-0,36	76,62
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	32,73	2,45	-30,28	7,49
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,35	3,14	-0,21	93,73
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	975,08	949,51	-25,57	97,38
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	11,15	-	-11,15	-

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2022		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng(+), giảm(-) (ha)	Tỷ lệ (%)
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.846,94	1.818,16	-28,78	98,44
-	Đất giao thông	DGT	814,64	718,96	-95,68	88,25
-	Đất thủy lợi	DTL	30,48	29,50	-0,98	96,78
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,25	0,66	-0,59	52,80
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,32	3,48	-5,84	37,34
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	38,13	37,57	-0,56	98,53
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	6,58	3,18	-3,40	48,33
-	Đất công trình năng lượng	DNL	912,13	994,09	81,96	108,99
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,75	0,67	-1,08	38,29
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	2,85	1,25	-1,60	43,86
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,34	2,34	-	100,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-	-	-	-
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	22,91	22,91	-	100,00
-	Đất chợ	DCH	4,56	3,55	-1,01	77,87
2.8	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,03	-	-0,03	-
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7,16	4,39	-2,77	61,31
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	26,69	0,83	-25,86	3,11
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	312,72	306,83	-5,89	98,12
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	51,92	46,68	-5,24	89,90
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,82	10,45	0,63	106,42
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	5,87	1,15	-4,72	19,59
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,20	0,20	-	100,00

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện đến 31/12/2022		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng(+), giảm(-) (ha)	Tỷ lệ (%)
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	789,89	752,80	-37,09	95,30
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,01	0,01	-	100,00
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,21	0,21	-	100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	14.482,75	14.072,86	-409,89	97,17

2.1.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp trong kế hoạch năm 2022 được duyệt là 67.019,03 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 67.628,98 ha, cao hơn 609,95 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

Cụ thể chỉ tiêu các loại đất nông nghiệp trong kế hoạch được duyệt và kết quả thực hiện đến 31/12/2022 có sự chênh lệch như sau:

- Đất trồng lúa: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 3.696,52 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 3.694,34 ha, thấp hơn 2,18 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đạt 99,94% so với diện tích kế hoạch được phê duyệt.

Trong đó diện tích đất chuyên trồng lúa nước được duyệt là 719,80 ha, kết quả thực hiện năm 2022 là 719,80 ha, đạt 100,00% so với diện tích kế hoạch được phê duyệt.

- Đất trồng cây năm hàng năm khác: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 7.608,39 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 7.568,28 ha, thấp hơn 40,11 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đạt 99,47%. Diện tích thấp hơn là do trong năm kế hoạch 2022 chưa hoàn thành công trình, dự án: Chuỗi liên kết trồng, chế biến, thương mại các sản phẩm giá trị cao từ dược liệu và nông sản tại tỉnh Hà Giang (do Công ty CPDL Bông Sen Vàng làm chủ đầu tư).

- Đất trồng cây lâu năm: Diện tích kế hoạch được duyệt là 1.321,18 ha, kết quả thực hiện năm 2022 là 1.340,39 ha, cao hơn 19,21 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022. Diện tích cao hơn là do chưa thu hồi đất trồng cây

lâu năm để thực hiện công trình: Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Phú Nam; Quy hoạch điểm dừng chân Phia Vèn; Mở sất Thầu Lũng xã Giáp Trung; Chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại đô thị tại thị trấn Yên Phú; Chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn tại các xã Đường Hồng, Minh Ngọc, Thượng Tân.

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 17.806,69 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 17.864,12 ha, cao hơn 57,43 ha so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 được duyệt. Diện tích cao hơn là do khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên đủ tiêu chí thành rừng phòng hộ và rừng trồng đủ tiêu chí thành rừng phòng hộ.

- Đất rừng đặc dụng: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 10.771,57 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 10.782,85 ha, cao hơn 11,28 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022. Diện tích cao hơn là do khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên đủ tiêu chí thành rừng đặc dụng và rừng trồng đủ tiêu chí thành rừng đặc dụng.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 25.667,01 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 26.286,22 ha, cao hơn 619,21 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022. Diện tích cao hơn là do trong năm 2022 chưa thu hồi, chuyển mục đích đất rừng sản xuất sang thực hiện công trình: Chuỗi liên kết trồng, chế biến, thương mại các sản phẩm giá trị cao từ sản phẩm giá trị cao từ dược liệu và nông sản tại tỉnh Hà Giang (do Công ty CPDL Bông Sen Vàng làm chủ đầu tư); Xây dựng mô hình sản xuất giống và trồng một số cây dược liệu quý tại thôn Ngọc Trì, xã Minh Sơn; Chuyển mục đích sử dụng đất sang trồng cây ăn quả công nghệ cao và chăn nuôi bò tập trung thôn Tạm Mò, Nà Trang, xã Yên Định; Thao trường diễn tập quân sự xã Yên Phong; Thao trường huấn luyện LLDQTV xã Yên Cường; thao trường bắn tại Xã Yên Phong, huyện Bắc Mê; Mở sất Thầu Lũng xã Giáp Trung; Dự án mở đường bờ nam sông Gâm; Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ; Khu du lịch sinh thái rừng thôn Phia Dầu (khu vực 2) tại xã Yên Định, huyện Bắc Mê... một phần diện tích thực hiện đến 31/12/2022 cao hơn diện tích được duyệt là do khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên đủ tiêu chí thành rừng sản xuất và rừng trồng đủ tiêu chí thành rừng sản xuất.

Trong đó diện tích đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên được duyệt là 20.860,94 ha, kết quả thực hiện năm đến 31/12/2022 là 21.177,66 ha, cao hơn 316,72 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 70,77 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 70,88 ha, cao hơn 0,11 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022. Diện tích cao hơn là do số liệu thống kê đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Bắc Mê.

- Đất nông nghiệp khác: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 76,90 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 21,90 ha, thấp hơn 55,00 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đạt 28,48%. Diện tích thấp hơn là do trong năm 2022 chưa thực hiện được công trình, dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống và trồng một số cây dược liệu quý tại thôn Ngọc Trì, xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang; Chuyển mục đích sử dụng đất sang trồng cây ăn quả công nghệ cao và chăn nuôi bò tập trung thôn Tạm Mò, Nà Trang xã Yên Định.

2.1.2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được duyệt là 4.104,76 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 3.904,71 ha, thấp hơn 200,05 ha so với kế hoạch được duyệt, đạt 95,13%. Cụ thể các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp trong kế hoạch được duyệt và thực hiện năm 2022 có sự chênh lệch như sau:

- Đất quốc phòng: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 29,45 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 6,72 ha, thấp hơn 22,73 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 22,82%. Diện tích thấp hơn là do chưa thực hiện được công trình: Quy hoạch thao trường bắn tại xã Yên Phong, huyện Bắc Mê; Quy hoạch thao trường huấn luyện LLDQTV xã Yên Cường...

- Đất an ninh: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 1,54 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 1,18 ha, thấp hơn 0,36 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 76,62%. Nguyên nhân thấp hơn là do chưa thực hiện được công trình: Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Đường Âm; Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Lạc Nông; Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Phú Nam; Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Đường Hồng; Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Thượng Tân...

- Đất thương mại dịch vụ: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 32,73 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 2,45 ha, thấp hơn 30,28 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 7,49%. Diện tích thấp hơn là do trong năm 2022 chưa thực hiện được các công trình, dự án: Điểm dừng chân Ngã ba xã Phú Nam;

điểm dừng chân Tạm Mò xã Yên Định; điểm dừng chân Phia Vèn xã Lạc Nông; đất thương mại dịch vụ trong Khu du lịch sinh thái rừng thôn Phia Dầu kết hợp bảo tồn phục dựng bản sắc văn hóa các dân tộc tỉnh Hà Giang (khu vực 2); Cửa hàng xăng dầu xã Yên Cường...

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 3,35 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 3,14 ha, thấp hơn 0,21 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 93,73%. Diện tích thấp hơn là do trong năm 2022 chưa thực hiện được công trình: Xưởng gia công tấm lợp bằng tôn tại thị trấn Yên Phú.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 975,08 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 949,51 ha, thấp hơn 25,57 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 97,38%. Diện tích thấp hơn là do trong năm 2022 chưa thực hiện được công trình: Dự án khai thác tuyển quặng Mangan Bản Sáp xã Yên Phú, huyện Bắc Mê; Mỏ sắt Thầu Lũng xã Giáp Trung...

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 11,15 ha. Trong năm 2022 chưa thực hiện được công trình: Quy hoạch Mỏ Cát sỏi thôn Bó Củng; Mỏ đá vôi thôn Bản Đuốc, Xã Yên Phong.

- Đất phát triển hạ tầng: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 1.846,94 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 1.818,16 ha, thấp hơn 28,78 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đạt 98,44%. Cụ thể các chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu đất phát triển hạ tầng như sau:

+ Đất giao thông: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 814,64 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 718,96 ha, thấp hơn 95,68 ha so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 được duyệt, đạt 88,25%. Diện tích thấp hơn là do trong năm 2022 chưa thực hiện được công trình, dự án: Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ; Nâng cấp mở rộng đường đi thôn Nà Lại đoạn từ Km0+300 đi thôn Nà Lại xã Thượng Tân; Nâng cấp mở rộng nền đường tuyến từ thôn Tấn Khâu đi thôn Nặm Ắn xã Phú Nam; Nâng cấp mở rộng nền đường từ thôn Đồn Điền đi thôn Tiến Xuân - Ngã ba đường trung tâm xã đi thôn Nà Chảo, xã Yên Cường; Nâng cấp mở rộng đường từ Km49 Quốc lộ 34 đi thôn Giáp Cự, xã Lạc Nông; Đường giao thông từ Phiên Sủi Lũng đi Lũng Cao...

+ Đất thủy lợi: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 30,48 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 29,50 ha, thấp hơn 0,98 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 96,78%.

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 1,25 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 0,66 ha, thấp hơn 0,59 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 52,80%. Diện tích thấp hơn là do số liệu thống kê đất văn hóa trên địa bàn huyện Bắc Mê.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích kế hoạch được duyệt trong năm 2022 là 9,32 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 3,48 ha, thấp hơn 5,84 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 37,34%. Diện tích thấp hơn là do trong năm 2022 chưa thực hiện được công trình, dự án: Quy hoạch Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê tại xã Lạc Nông.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 38,13 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 37,57 ha, thấp hơn 0,56 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt trong năm 2022, đạt 98,53%. Diện tích thấp hơn là do trong năm 2022 chưa hoàn thành thủ tục đất đai công trình: Mở rộng Trường THCS + Trường THPT xã Minh Ngọc; Mở rộng Trường PTDTBT THCS Minh Sơn; Mở rộng trường THPT Bắc Mê.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 6,58 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 3,18 ha, thấp hơn 3,40 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 48,33%. Diện tích thấp hơn là do trong năm 2022 chưa thực hiện được công trình: Mở rộng sân thể thao xã Minh Ngọc; Xây dựng sân thể thao xã Yên Cường.

+ Đất công trình năng lượng: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 912,13 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 994,09 ha, cao hơn 81,96 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 1,75 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 0,67 ha, thấp hơn 1,08 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2022, đạt 38,29%.

+ Đất có di tích lịch sử, văn hóa: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 2,85 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 1,25 ha, thấp hơn 1,60 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, đạt 43,86%.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải: Ổn định diện tích 2,34 ha.

+ Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: Ổn định diện tích 22,91 ha.

+ Đất chợ: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 4,56 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 3,55 ha, thấp hơn 1,01 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được

duyet, đạt 77,87%. Diện tích thấp hơn là do trong năm kế hoạch 2022 chưa thực hiện được công trình: Quy hoạch chợ trung tâm xã Minh Sơn; Mở rộng chợ trung tâm xã Yên Cường; Mở rộng chợ thôn Pắc Mía tại thị trấn Yên Phú.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích kế hoạch được duyệt trong năm 2022 là 7,16 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 4,39 ha, thấp hơn 2,77 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt trong năm 2022, đạt 61,31%. Diện tích thấp hơn là do trong năm 2022 chưa hoàn thành thủ tục đất đai công trình, dự án: Quy hoạch nhà văn hóa Bản Túm tại xã Yên Cường. Một phần biến động là do số liệu thống kê đất đai trên địa bàn huyện Bắc Mê.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 26,69 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 0,83 ha, thấp hơn 25,86 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt trong năm 2022, đạt 3,11%. Diện tích thấp hơn là do trong năm 2022 chưa thực hiện được công trình, dự án: Khu du lịch sinh thái rừng thôn Phia Dầu (khu vực 2) tại xã Yên Định, huyện Bắc Mê.

- Đất ở nông thôn: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 312,72 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 306,83 ha, thấp hơn 5,89 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt trong năm 2022, đạt 98,12%. Diện tích thấp hơn là do trong năm 2022 chưa thực hiện được công trình, dự án: Đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Yên Định, Yên Cường, chuyên mục đích đất ở hộ gia đình cá nhân xã Yên Định, Giáp Trung, Yên Phong, Yên Cường, Phú Nam, Thượng Tân...

- Đất ở tại đô thị: Diện tích kế hoạch được duyệt trong năm 2022 là 51,92 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 46,68 ha, thấp hơn 5,24 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt trong năm 2022, đạt 89,90%. Diện tích thấp hơn là do trong năm 2022 chưa thực hiện được công trình, dự án: Đấu giá đất ở tại tổ 5, thôn Bó Củng, quy hoạch khu dân cư sau trường THPT dân tộc nội trú, chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở tại đô thị.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 9,82 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 10,45 ha, cao hơn 0,63 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt trong năm 2022. Diện tích cao hơn là do số liệu thống kê đất xây dựng trụ sở cơ quan.

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 5,87 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 1,15 ha, thấp hơn 4,72 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt trong năm 2022, đạt 19,59%. Diện tích thấp hơn là do trong năm 2022 chưa thực hiện được công trình dự án: Trạm kiểm soát lâm sản Minh Ngọc.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Ổn định diện tích 0,20 ha.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích kế hoạch năm 2022 được duyệt là 789,89 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 752,80 ha, thấp hơn 37,09 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt trong năm 2022, đạt 95,30%.
- Đất có mặt nước chuyên dùng: Ổn định diện tích 0,01 ha.
- Đất phi nông nghiệp khác: Ổn định diện tích 0,21 ha.

2.1.3. Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng trong kế hoạch năm 2022 được duyệt là 14.482,75 ha, kết quả thực hiện đến 31/12/2022 là 14.072,86 ha, thấp hơn 409,89 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân thấp hơn là do khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên đủ tiêu chí thành rừng và rừng trồng đủ tiêu chí thành rừng.

2.1.4. Đánh giá kết quả thu hồi đất trong năm 2022

Trong năm 2022 đã thu hồi 31,81 ha đất nông nghiệp trong đó:

- Thu hồi diện tích đất trồng lúa: 0,49 ha do thực hiện công trình: Mỏ đá vôi thôn Bản Đuốc, xã Yên Phong; Đường từ thôn Nà Quặc xã Phú Nam, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang đi xã Thái Học, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Nâng cấp mở rộng nền đường liên thôn từ thôn Thâm Quảng đi thôn Nà Nôm, xã Đường Âm.

- Thu hồi diện tích đất trồng cây hàng năm khác: 8,97 ha do thực hiện công trình: Mỏ chì - kẽm Tà Pan, Minh Sơn; Mỏ đá vôi thôn Bản Đuốc, xã Yên Phong; Đường từ thôn Nà Quặc xã Phú Nam, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang đi xã Thái Học, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Nâng cấp mở rộng nền đường liên thôn từ thôn Thâm Quảng đi thôn Nà Nôm, xã Đường Âm; Nâng cấp mở rộng nền đường từ thôn Đồn Điền đi thôn Tiến Xuân - Ngã ba đường trung tâm xã đi thôn Nà Chảo, xã Yên Cường; Nâng cấp mở rộng nền đường liên thôn từ thôn Phiêng Sủi đi thôn Lùng Cao, xã Giáp Trung...

- Thu hồi diện tích đất trồng cây lâu năm: 4,85 ha do thực hiện công trình: Xây dựng nhà tạm giam, tạm giữ và hệ thống kho vật chứng công an huyện Bắc Mê (bổ sung); Mỏ chì - kẽm Tà Pan, Minh Sơn; Đường từ thôn Nà Quặc xã Phú Nam, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang đi xã Thái Học, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Nâng cấp mở rộng nền đường từ thôn Đồn Điền đi thôn Tiến Xuân - Ngã ba đường trung tâm xã đi thôn Nà Chảo, xã Yên Cường; Nâng cấp mở rộng nền đường liên thôn từ thôn Thâm Quảng đi thôn Nà Nôm, xã Đường Âm; Nâng cấp mở rộng nền đường liên thôn từ thôn Phiêng Sủi đi thôn Lùng cao, xã Giáp Trung...

- Thu hồi diện tích đất rừng sản xuất: 17,47 ha do thực hiện công trình Mỏ chì - kềm Tà Pan, Minh Sơn; Mỏ đá vôi thôn Bản Đuốc, xã Yên Phong; Đường từ thôn Nà Quặc xã Phú Nam, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang đi xã Thái Học, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Nâng cấp mở rộng nền đường liên thôn từ thôn Thâm Quảng đi thôn Nà Nôm, xã Đường Âm; Nâng cấp mở rộng nền đường từ thôn Đồn Điền đi thôn Tiến Xuân, xã Yên Cường...

Thu hồi diện tích đất phi nông nghiệp 0,50 ha; trong đó:

+ Thu hồi diện tích đất giao thông: 0,38 ha để thực hiện công trình Mỏ đá vôi thôn Bản Đuốc, xã Yên Phong; Mỏ chì - kềm Tà Pan, Minh Sơn.

+ Thu hồi đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 0,13 ha để thực hiện công trình: Mỏ chì - kềm Tà Pan, Minh Sơn; Nhà chõu bến thuyền xã Thượng Tân; Đập tràn qua suối xóm Nặm Nặng thôn Nà Pậu, xã Lạc Nông, huyện Bắc Mê.

(Chi tiết kết quả thu hồi đất năm 2022 tại các xã được thể hiện tại Phụ Biểu số 1)

2.1.5. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022

Trong năm 2022 trên địa bàn huyện Bắc Mê đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất 31,81 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn các xã như sau: thị trấn Yên Phú 0,31 ha; xã Đường Âm là 2,77 ha; xã Đường Hồng 0,04 ha; xã Giáp Trung là 1,08 ha; xã Minh Ngọc 0,03 ha; xã Lạc Nông 0,89 ha; xã Minh Sơn 19,38 ha; xã Phiêng Luông 0,36 ha; xã Phú Nam 4,33 ha; xã Thượng Tân 0,02 ha; xã Yên Cường là 2,59 ha; xã Yên Định 0,02 ha trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 0,49 ha do trong năm 2022 thực hiện công trình: Mỏ đá vôi thôn Bản Đuốc, xã Yên Phong; Đường từ thôn Nà Quặc xã Phú Nam, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang đi xã Thái Học, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Nâng cấp mở rộng nền đường liên thôn từ thôn Thâm Quảng đi thôn Nà Nôm, xã Đường Âm.

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 8,97 ha do trong năm 2022 thực hiện công trình: Mỏ chì - kềm Tà Pan, Minh Sơn; Mỏ đá vôi thôn Bản Đuốc, xã Yên Phong; Đường từ thôn Nà Quặc xã Phú Nam, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang đi xã Thái Học, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Nâng cấp mở rộng nền đường liên thôn từ thôn Thâm Quảng đi thôn Nà Nôm, xã Đường Âm; Nâng cấp mở rộng nền đường từ thôn Đồn Điền đi thôn Tiến Xuân - Ngã ba đường trung tâm xã đi thôn Nà Chảo, xã Yên Cường; Nâng cấp mở rộng nền đường liên thôn từ thôn Phiêng Sủi đi thôn Lùng cao, xã Giáp Trung...

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 4,85 ha do trong năm 2022 thực hiện được công trình: Xây dựng nhà tạm giam, tạm giữ và hệ thống kho vật chứng công an huyện Bắc Mê (bổ sung); Mỏ chì - kẽm Tà Pan, Minh Sơn; Đường từ thôn Nà Quặc xã Phú Nam, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang đi xã Thái Học, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Nâng cấp mở rộng nền đường từ thôn Đồn Điền đi thôn Tiên Xuân - Ngã ba đường trung tâm xã đi thôn Nà Chảo, xã Yên Cường; Nâng cấp mở rộng nền đường liên thôn từ thôn Thâm Quảng đi thôn Nà Nôm, xã Đường Âm; Nâng cấp mở rộng nền đường liên thôn từ thôn Phiêng Sủi đi thôn Lùng cao, xã Giáp Trung...

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 17,47 ha do trong năm 2022 thực hiện được công trình: Mỏ chì - kẽm Tà Pan, Minh Sơn; Mỏ đá vôi thôn Bản Đuốc, xã Yên Phong; Đường từ thôn Nà Quặc xã Phú Nam, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang đi xã Thái Học, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; Nâng cấp mở rộng nền đường liên thôn từ thôn Thâm Quảng đi thôn Nà Nôm, xã Đường Âm; Nâng cấp mở rộng nền đường từ thôn Đồn Điền đi thôn Tiên Xuân xã Yên Cường...

- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp diện tích 0,04 ha do chuyển mục đích sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Lạc Nông.

(Chi tiết kết quả chuyển mục đích năm 2022 tại các xã trên địa bàn huyện Bắc Mê được thể hiện tại Phụ biểu số 2)

2.1.6. Đánh giá kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng trong năm 2022

Trong năm 2022 đã đưa vào sử dụng 3,41 ha đất chưa sử dụng trong đó vào sử dụng cho hoạt động khoáng sản 3,41 ha thực hiện dự án Mỏ chì - kẽm Tà Pan, Minh Sơn.

(Chi tiết kết quả đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2022 tại các xã được thể hiện tại Phụ biểu số 3)

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Đến hết năm 2022, huyện Bắc Mê đã và đang thực hiện được 30/63 công trình dự án đạt tỷ lệ 47,62% tổng số công trình dự án (trong đó có 14 công trình, dự án đang thực hiện, chưa hoàn thành thủ tục về đất đai). Số công trình chưa thực hiện được trong năm kế hoạch là 33 công trình dự án với tổng diện tích là 157,47 ha, chiếm 52,38% tổng số lượng công trình dự án trong kế hoạch năm 2022.

Bảng 04 : Danh mục công trình dự án chưa thực hiện được trong năm 2022

STT	Tên dự án, công trình	Mã đất	Diện tích (ha)	Nguyên nhân chưa thực hiện được
I	Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh			
II	Công trình dự án còn lại			
2.1	Đất quốc phòng			
1	Thao trường diễn tập quân sự xã Yên Phong	CQP	1,00	Trùng vị trí thao trường bản tại Yên Phong
2	Thao trường huấn luyện LLDQTV xã Yên Cường	CQP	4,10	Chưa bố trí được vốn để thu hồi giải phóng mặt bằng
3	Thao trường bản tại Xã Yên Phong, huyện Bắc Mê	CQP	22,13	Chưa bố trí được vốn để thu hồi giải phóng mặt bằng
2.2	Đất an ninh			
4	Xây dựng trụ sở công an xã Đường Âm	CAN	0,10	Chưa bố trí được vốn
5	Xây dựng cơ sở làm việc công an Xã Lạc Nông	CAN	0,07	Chưa bố trí được vốn
6	Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Xã Phú Nam	CAN	0,22	Chưa bố trí được vốn
7	Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Đường Hồng	CAN	0,11	Chưa bố trí được vốn
8	Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Thượng Tân	CAN	0,11	Chưa bố trí được vốn
2.3	Đất thương mại dịch vụ			
9	Điểm dừng chân ngã ba Xã Phú Nam	TMD	0,08	Chưa bố trí được vốn
10	Điểm dừng chân Tam Mò	TMD	0,44	Chưa bố trí được vốn
11	Điểm dừng chân Phía Vèn	TMD	0,68	Chưa bố trí được vốn
12	Trạm bán lẻ xăng dầu xã Yên Cường	TMD	0,26	Chưa bố trí được vốn
2.4	Đất sản xuất phi nông nghiệp			
13	Xưởng gia công tấm lợp bằng tôn	SKC	0,10	Không còn nhu cầu
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản			

STT	Tên dự án, công trình	Mã đất	Diện tích (ha)	Nguyên nhân chưa thực hiện được
14	Mỏ sắt Thầu Lũng xã Giáp Trung	SKS	12,05	Chưa bố trí được vốn
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm			
15	Quy hoạch Mỏ Cát sỏi thôn Bó Củng	SKX	4,67	Chưa bố trí được vốn
2.6	Đất phát triển hạ tầng			
2.6.1	Đất giao thông			
16	Nâng cấp mở rộng đường đi thôn Nà Lại đoạn từ Km0+300 đi thôn Nà Lại xã Thượng Tân	DGT	3,11	Chưa giải ngân được vốn đầu tư công
17	Nâng cấp mở rộng nền đường tuyến từ thôn Tấn Khâu đi thôn Nặm Ân, xã Phú Nam. Hạng mục: Nâng cấp mở rộng nền đường, đổ bê tông mặt đường, hệ thống cống rãnh thoát nước	DGT	6,39	Chưa giải ngân được vốn đầu tư công
18	Dự án: Cầu cứng qua sông Gâm (Cầu Yên Phú, huyện Bắc Mê)	DGT	1,00	Chưa giải ngân được vốn đầu tư công
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao			
19	Mở rộng sân thể thao xã Minh Ngọc	DTT	0,75	Chưa giải ngân được vốn đầu tư công
20	Xây dựng sân thể thao xã Yên Cường	DTT	1,50	Chưa giải ngân được vốn đầu tư công
2.6.3	Đất công trình năng lượng			
21	Đường dây và trạm biến áp 110 kV Hà Giang - Bắc Mê	DNL	1,40	Chưa bố trí được vốn
2.6.4	Đất chợ			
22	Quy hoạch chợ Xép Pắc Mìa TT Yên Phú	DCH	0,16	Trùng vị trí chợ thôn Pắc Mìa
23	Quy hoạch chợ trung tâm xã Minh Sơn	DCH	0,39	Chưa giải ngân được vốn đầu tư công
24	Mở rộng chợ trung tâm xã Yên Cường	DCH	0,21	Chưa giải ngân được vốn đầu tư công

STT	Tên dự án, công trình	Mã đất	Diện tích (ha)	Nguyên nhân chưa thực hiện được
25	Mở rộng chợ thôn Pắc Mía	DCH	0,30	Chưa bố trí được vốn
2.7	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp			
26	Trạm kiểm soát lâm sản Minh Ngọc	DTS	1,78	Chưa bố trí được vốn
2.8	Đất nông nghiệp khác			
27	Chuỗi liên kết trồng, chế biến, thương mại các sản phẩm giá trị cao từ dược liệu và nông sản tại tỉnh Hà Giang (do Công Ty CPDL Bông Sen Vàng làm chủ đầu tư)	HNK	72,91	Không còn nhu cầu
			3,65	
28	Chuyển mục đích sử dụng đất sang trồng cây ăn quả công nghệ cao và chăn nuôi bò tập trung thôn Tạm Mò, Nà Trang, xã Yên Định	NKH	35,00	Không còn nhu cầu
III	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất			
1	Đất ở tại đô thị			
29	Đấu giá đất ở tại tổ 5, thôn Bó Củng	ODT	0,14	Đấu giá không thành
30	Khu dân cư sau trường THPT DT nội trú	ODT	1,97	Chưa bố trí được vốn
2	Đất ở tại nông thôn			
31	Đấu giá đất ở xã Đường Hồng	ONT	0,27	Chưa tổ chức đấu giá
32	Khu nhà ở mật độ cao	ONT	0,30	Chưa tổ chức đấu giá
35	Đấu giá đất ở xã Yên Cường	ONT	0,20	Chưa tổ chức đấu giá

Trong đó: Có 18/35 công trình dự án chưa thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đề xuất hủy bỏ không chuyển tiếp sang năm 2023.

Bảng 05: Các công trình dự án chưa thực hiện đề nghị hủy bỏ trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022

STT	Tên dự án, công trình	Mã	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
I	Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh				
II	Công trình dự án còn lại				
2.1	Đất quốc phòng				
1	Quy hoạch thao trường diễn tập quân sự xã Yên Phong	CQP	1,00	xã Yên Phong	Trùng vị trí thao trường bắn
2.2	Đất an ninh				
2	Xây dựng trụ sở công an xã Phú Nam	CAN	0,22	xã Phú Nam	Chưa thông qua HĐND về chuyển mục đích đất lúa
2.3	Đất thương mại dịch vụ				
3	Quy hoạch điểm dừng chân Ngã ba Xã Phú Nam	TMD	0,08	xã Phú Nam	Chưa bố trí được vốn
4	Quy hoạch điểm dừng chân Tam Mò	TMD	0,44	xã Yên Định	Chưa bố trí được vốn
5	Quy hoạch điểm dừng chân Phía Vèn	TMD	0,68	xã Lạc Nông	Chưa bố trí được vốn
2.4	Đất sản xuất phi nông nghiệp				
6	Xưởng gia công tấm lợp bằng tôn	SKC	0,10	TT Yên Phú	Không còn nhu cầu
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản				
6	Mỏ sắt Thầu Lũng xã Giáp Trung	SKS	12,05	xã Giáp Trung	Không còn nhu cầu
2.7	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao				
8	Mở rộng sân thể thao Xã Minh Ngọc	DTT	0,75	xã Minh Ngọc	Chưa bố trí được vốn
9	Xây dựng sân thể thao xã Yên Cường	DTT	1,50	xã Yên Cường	Hủy bỏ do quá 3 năm

STT	Tên dự án, công trình	Mã	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
2.7	Đất chợ				
10	Quy hoạch chợ Xếp Pắc Mìa TT Yên Phú	DCH	0,16	TT Yên Phú	Chưa bố trí được vốn
11	Mở rộng chợ thôn Pắc Mìa	DCH	0,30	TT Yên Phú	
2.11	Đất nông nghiệp khác				
12	Dự án : Chuỗi liên kết trồng, chế biến, thương mại các sản phẩm giá trị cao từ dược liệu và nông sản tại tỉnh Hà Giang (do Công Ty CPDL Bông Sen Vàng làm chủ đầu tư)	HNK	72,91	xã Đường Hồng	Không còn nhu cầu
			3,65	xã Yên Cường	Không còn nhu cầu
13	Chuyển mục đích sử dụng đất sang trồng cây ăn quả công nghệ cao và chăn nuôi bò tập trung thôn Tạm Mò, Nà Trang, xã Yên Định	NKH	35,00	xã Yên Định	Không còn nhu cầu
III	Khu vực đấu giá giao quyền sử dụng đất, khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất				
3.1	Đất ở tại đô thị				
14	QH Khu dân cư sau trường THPT DT Nội trú	ODT	1,97	TT Yên Phú	Không bố trí được nguồn vốn
3.2	Đất ở tại nông thôn				
15	Đấu giá đất ở xã Thượng Tân	ONT	0,16	xã Thượng Tân	Hủy bỏ do quá 3 năm
16	Đấu giá QSDĐ tại xã Yên Định	ONT	0,05	xã Yên Định	Hủy bỏ do quá 3 năm
17	Đấu giá đất ở xã Đường Hồng	ONT	0,27	xã Đường Hồng	Chưa có chủ trương
18	Khu nhà ở mật độ cao	ONT	0,30	Xã Yên Cường	Chưa có chủ trương

2.3. Đánh giá nguyên nhân tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Số lượng công trình, dự án đã thực hiện đạt tỷ lệ thấp nguyên nhân do quy trình thực hiện giải phóng mặt bằng, thu hồi đất để triển khai dự án mất nhiều thời gian, trong khi kế hoạch được xây dựng hàng năm nên kết quả thực hiện chậm so với kế hoạch được duyệt.

- Đối với các công trình dự án thực hiện theo nguồn vốn nhà nước (đầu tư công) còn chậm do nguyên nhân:

+ Do tình hình phân bổ, giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công còn chậm, tiến độ giao vốn từ nguồn vốn nhà nước chậm, ảnh hưởng lớn đến việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công.

+ Công tác thu ngân sách nhà nước còn gặp nhiều khó khăn, nguồn lực đầu tư cho phát triển còn nhiều hạn chế; một số công trình khởi công mới chưa được triển khai thực hiện do chưa được phân bổ, bố trí vốn.

- Do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid-19 do đó ảnh hưởng trực tiếp đến việc cân đối tài chính của nhà đầu tư, cũng như tâm lý đầu tư... làm ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất kinh doanh, đến triển khai các dự án đầu tư có sử dụng đất.

- Do ảnh hưởng tình hình lạm phát của cả nước nói chung và của huyện Bắc Mê nói riêng, khiến một số nhà đầu tư khó tìm nguồn cung cấp về nguyên liệu đầu vào cũng như nguyên liệu đầu ra đối với các dự án khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng...

- Việc điều chỉnh tăng lãi suất ngân hàng dẫn đến nhiều nhà đầu tư không bố trí được nguồn vốn...

- Việc lập kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch các ngành khác chưa thực sự thống nhất, tình trạng phát sinh các công trình dự án không theo kế hoạch sử dụng đất vẫn xảy ra. Việc gắn kết giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch phát triển các ngành, quy hoạch xây dựng đô thị và khu dân cư nông thôn còn lúng túng, chưa có sự phù hợp thống nhất.

- Thiếu các giải pháp có tính khả thi để thực hiện kế hoạch sử dụng đất, trong đó có yếu tố quan trọng là không cân đối đủ nguồn vốn cho xây dựng hạ tầng và sự bất cập trong công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất mà chủ yếu là liên quan đến giá đất đền bù khi thu hồi đất.

- Điều kiện thời tiết cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án, dẫn đến dự án thực hiện bị chậm tiến độ.

*** Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất năm 2023**

Qua quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Bắc Mê đã đúc kết được một số bài học kinh nghiệm cơ bản để tổ chức thực hiện tốt hơn kế hoạch sử dụng đất năm 2023 như sau:

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ và chính quyền đối với công tác quy hoạch nói riêng và công tác quản lý Nhà nước về đất đai nói chung trên địa bàn huyện. Thực hiện phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị, Sở, Ban, Ngành, huyện trong tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Phổ biến rộng rãi nội dung quy hoạch sử dụng đất chi tiết, kế hoạch sử dụng đất chi tiết đến mọi tầng lớp nhân dân để người dân tìm hiểu, thảo luận và tích cực tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Thực hiện việc thu tiền cấp quyền sử dụng đất và thuê chuyển quyền sử dụng đất một cách triệt để công khai.

- Gắn việc quản lý, sử dụng đất với cải tạo, bảo vệ đất và tổ chức sản xuất, khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả đối với mọi mục đích sử dụng đất.

- Tăng cường thu hút đầu tư, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các dự án phát triển nông lâm nghiệp.

- Đưa chỉ tiêu sử dụng đất của các ngành vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và dài hạn của huyện.

- Trong quá trình thực hiện nếu có những bất hợp lý cần đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh bổ sung kế hoạch sử dụng đất nhằm đảm bảo tính khả thi của phương án quy hoạch trong từng thời điểm cụ thể.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Do kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hà Giang chưa được phê duyệt. Vì vậy chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 tại huyện Bắc Mê được căn cứ theo chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 được UBND tỉnh Hà Giang phê tại Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

Bảng 06: Diện tích cơ cấu các loại đất đến năm 2030 huyện Bắc Mê

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		85.606,55	100,00	85.606,55	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	66.885,25	78,13	78.145,42	91,28
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.700,52	4,32	3.598,66	4,20
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>719,80</i>	<i>0,84</i>	<i>687,15</i>	<i>0,80</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	7.571,83	8,84	7.338,84	8,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.343,49	1,57	1.724,21	2,01
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	17.809,13	20,80	19.035,00	22,24
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	10.771,57	12,58	11.848,80	13,84
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	25.595,75	29,90	34.433,40	40,22
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>20.878,58</i>	<i>24,39</i>	<i>20.344,55</i>	<i>23,77</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	71,06	0,08	66,41	0,08
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	21,90	0,03	100,11	0,12
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.856,52	4,51	4.995,53	5,84
2.1	Đất quốc phòng	CQP	6,72	0,01	67,35	0,08
2.2	Đất an ninh	CAN	0,39	0,0005	3,57	0,004
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	65,00	0,08
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,27	0,003	26,30	0,03
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,14	0,004	3,25	0,004
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	944,75	1,10	953,46	1,11
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-	-	235,99	0,28
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.735,09	2,03	2.252,41	2,63
	Đất giao thông	DGT	719,95	0,84	1.006,86	1,18
	Đất thủy lợi	DTL	29,51	0,03	38,56	0,05
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,66	0,001	4,03	0,005
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,48	0,004	11,11	0,01
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	37,57	0,04	45,40	0,05

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	3,18	0,004	11,09	0,01
	Đất công trình năng lượng	DNL	910,02	1,06	1.039,34	1,21
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,67	0,001	2,07	0,002
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc	DKG	-	-	-	-
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,25	0,001	6,02	0,01
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,34	0,003	25,18	0,03
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-	-	-	-
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	22,91	0,03	57,33	0,07
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-	-	-
	Đất chợ	DCH	3,55	0,004	5,43	0,01
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	14,17	0,02
2.10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,39	0,01	11,21	0,01
2.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,83	0,001	48,56	0,06
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	306,65	0,36	492,45	0,58
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	46,30	0,05	77,95	0,09
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,45	0,01	12,09	0,01
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,15	0,001	4,70	0,01
2.16	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-
2.17	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,20	0,0002	0,20	0,0002
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	793,97	0,93	726,65	0,85
2.19	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,01	0,00001	0,01	0,00001
2.20	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,21	0,0002	0,21	0,0002
3	Đất chưa sử dụng	CSD	14.864,78	17,36	2.465,60	2,88

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chưa thực hiện chuyển tiếp sang năm kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Trong năm 2022 có tổng số 25 công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chưa thực hiện, đã có chủ trương đầu tư, nguồn vốn tiếp tục được đưa vào thực hiện trong năm 2023. Cụ thể chỉ tiêu các công trình, dự án chưa thực hiện cần chuyển tiếp sang năm 2023 như sau:

- Đất quốc phòng: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2022 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2023 là 18,73 ha;

- Đất an ninh: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2022 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2023 là 0,53 ha;

- Đất thương mại dịch vụ: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2022 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2023 là 2,19 ha;

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2022 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2023 là 9,07 ha;

- Đất giao thông: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2022 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2023 là 62,40 ha;

- Đất xây dựng cơ sở y tế: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2022 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2023 là 4,49 ha;

- Đất công trình năng lượng: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2022 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2023 là 1,40 ha;

- Đất chợ: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2022 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2023 là 0,43 ha;

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2022 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2023 là 5,48 ha;

- Đất ở tại đô thị: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2022 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2023 là 0,12 ha;

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện hết năm 2022 phù hợp với kinh tế - xã hội để chuyển sang năm 2023 là 1,78 ha.

(Chi tiết danh mục công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 sang năm 2023 được thể hiện tại biểu 10aCH)

3.2.1.1. Chỉ tiêu thu hồi đất năm 2022 chưa thực hiện cần chuyển tiếp sang năm 2023

** Chỉ tiêu thu hồi đất nông nghiệp với tổng diện tích 94,97 ha, cụ thể:*

- Chỉ tiêu thu hồi đất trồng lúa chưa thực hiện chuyển tiếp năm 2023 là 2,74 ha để thực hiện công trình:

+ Theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang có 1 công trình dự án thu hồi đất trồng lúa: Trạm kiểm soát lâm sản Minh Ngọc.

+ Theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22 tháng 03 năm 2022 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục công trình dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 1) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang có 3 công trình dự án thu hồi đất trồng lúa: Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B); Xử lý 12 vị trí công khuất tầm nhìn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông Quốc lộ 34, tỉnh Hà Giang;

- Chỉ tiêu thu hồi đất trồng cây hàng năm khác chưa thực hiện được chuyển tiếp sang năm 2023 là 13,30 ha để thực hiện công trình: Trụ sở công an xã Phú Nam; trụ sở công an xã Đường Hồng; Cửa hàng xăng dầu xã Yên Cường; Nâng cấp mở rộng đường từ Km 49 Quốc lộ 34 đi thôn Giáp Cự, xã Lạc Nông; Dự án mở đường bờ Nam sông Gâm; Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B); Nâng cấp mở rộng đường đi thôn Nà Lại đoạn từ Km 0+300 đi thôn Nà Lại xã Thượng Tân; Nâng cấp mở rộng nền đường, đổ bê tông mặt đường liên thôn từ trung tâm xã đi thôn Nặm Ắn xã Phú Nam; Cầu cứng số 2 qua sông Gâm...

- Chỉ tiêu thu hồi đất trồng cây lâu năm chưa thực hiện được chuyển tiếp năm 2023 là 4,95 ha để thực hiện công trình: Trụ sở công an xã Phú Nam; Nâng cấp mở rộng đường từ Km 49 Quốc lộ 34 đi thôn Giáp Cự, xã Lạc Nông; Nâng cấp mở rộng đường đi thôn Nà Lại đoạn từ Km 0+300 đi thôn Nà Lại xã Thượng Tân; Nâng cấp mở rộng nền đường, đổ bê tông mặt đường liên thôn từ trung tâm xã đi thôn Nặm Ắn xã Phú Nam; Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê; Chợ trung tâm xã Minh Sơn...

- Chỉ tiêu thu hồi đất rừng phòng hộ chưa thực hiện được chuyển tiếp năm 2023 là 0,50 ha để thực hiện công trình: Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B) đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh thông qua tại

Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22 tháng 03 năm 2022 về việc thông qua Danh mục công trình dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 1) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Chỉ tiêu đất rừng đặc dụng chưa thực hiện được chuyển tiếp năm 2023 là 0,06 ha để thực hiện công trình: Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B) đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22 tháng 03 năm 2022 về việc thông qua Danh mục công trình dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 1) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Chỉ tiêu thu hồi đất rừng sản xuất chưa thực hiện được chuyển tiếp năm 2023 là 73,27 ha để thực hiện công trình: Thao trường huấn luyện LLDQTV tại xã Yên Cường; Thao trường huấn luyện LLDQTV xã Yên Phong; Khu du lịch sinh thái rừng thôn Phia Dầu (khu vực 2); Dự án mở đường bờ Nam sông Gâm; Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B); Đấu giá đất ở xã Yên Cường...

- Chỉ tiêu thu hồi đất nuôi trồng thủy sản chưa thực hiện được chuyển tiếp năm 2023 là 0,15 ha để thực hiện công trình: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê.

** Chỉ tiêu thu hồi đất phi nông nghiệp với tổng diện tích 8,84 ha, cụ thể:*

- Chỉ tiêu thu đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã chưa thực hiện cần chuyển tiếp năm 2023 là 2,36 ha, trong đó:

+ Đất giao thông: 1,73 ha để thực hiện công trình: Thao trường huấn luyện LLDQTV Yên Phong; Mỏ đá vôi thôn Bản Đuốc, xã Yên Phong; Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê...

+ Đất thủy lợi: 0,31 ha để thực hiện công trình Thao trường huấn luyện LLDQTV Yên Phong.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,21 ha để thực hiện công trình xây dựng trụ sở công an xã Lạc Nông

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 0,11 ha để thực hiện công trình trụ sở làm việc công an xã Thượng Tân.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,04 ha để xây dựng chợ Minh Sơn.

- Đất ở tại nông thôn: 2,35 ha để thực hiện công trình Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê, Mở rộng chợ trung tâm xã Yên Cường.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,14 ha để xây dựng trụ sở công an xã Đường Âm.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 3,95 ha để thực hiện dự án Quy hoạch Mỏ Cát sỏi thôn Bó Củng.

(Chi tiết tại Phụ biểu 04: Chỉ tiêu thu hồi đất năm 2022 chưa thực hiện hết cần chuyển tiếp sang năm 2023)

3.2.1.2. Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 chưa thực hiện hết cần chuyển tiếp sang năm 2023

Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp chưa thực hiện cần chuyển tiếp sang năm 2023 với tổng diện tích 94,97 ha. Trong đó:

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp là 2,74 ha: Diện tích đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình:

+ Theo Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Hà Giang thông qua Danh mục công trình thu hồi và CMD sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 2018 có 1 công trình dự án chuyển mục đích đất lúa: Xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê.

+ Theo Nghị Quyết số 45/NQ-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang có 1 công trình dự án chuyển mục đích đất lúa: Trạm kiểm soát lâm sản Minh Ngọc.

+ Theo Nghị Quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22 tháng 03 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục công trình dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 1) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang có 3 công trình dự án chuyển mục đích đất lúa: Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B); Xử lý 12 vị trí công khuất tầm nhìn tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT Quốc lộ 34, tỉnh Hà Giang;

- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 13,30 ha để thực hiện công trình: Xây dựng trụ sở công an xã Đường Hồng; Cửa hàng xăng dầu xã Yên Cường; Nâng cấp mở rộng đường từ Km49 QL34 đi thôn Giáp Cư, xã Lạc Nông; Dự án mở đường bờ Nam sông Gâm; Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B); Nâng cấp mở rộng đường đi thôn Nà Lại đoạn từ Km0+300 đi thôn Nà Lại xã Thượng Tân; Nâng cấp mở rộng nền đường, đổ bê tông mặt đường liên thôn từ trung tâm xã đi thôn Năm Ẩn xã Phú Nam; Cầu cứng số 2 qua sông Gâm...

- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 4,95 ha để thực

hiện công trình: Trụ sở công an xã Phú Nam; Nâng cấp mở rộng đường từ Km49 QL34 đi thôn Giáp Cự, xã Lạc Nông; Nâng cấp mở rộng đường đi thôn Nà Lại đoạn từ Km0+300 đi thôn Nà Lại xã Thượng Tân; Nâng cấp mở rộng nền đường, đổ bê tông mặt đường liên thôn từ trung tâm xã đi thôn Nặm Ắn xã Phú Nam; Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê; chợ xã Minh Sơn...

- Đất rừng phòng hộ chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp 0,50 ha để thực hiện công trình: Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B) đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22 tháng 03 năm 2022 của HĐND tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục công trình dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 1) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Đất rừng đặc dụng chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp 0,06 ha để thực hiện công trình: Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B) đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị Quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22 tháng 03 năm 2022 của HĐND tỉnh Hà Giang về việc thông qua Danh mục công trình dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 1) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp là 73,27 ha để thực hiện công trình: Thao trường huấn luyện LLDQTV tại xã Yên Cường; Thao trường huấn luyện LLDQTV xã Yên Phong; Khu du lịch sinh thái rừng thôn Phia Dầu (khu vực 2); Dự án mở đường bờ Nam sông Gâm; Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B); Đấu giá đất ở xã Yên Cường...

- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 0,15 ha để thực hiện công trình: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê.

(Chi tiết tại Phụ biểu 05: Chi tiêu chuyển mục đích đất năm 2022 chưa thực hiện hết cần chuyển tiếp sang năm 2023)

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

Theo Công văn số 948/UBND-TNMT ngày 06 tháng 07 năm 2022 của UBND huyện Bắc Mê về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện Bắc Mê, có 7 công trình, dự án của các tổ chức, ban, ngành, hộ gia đình cá nhân đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện.

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

* *Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2021, 2022 và chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 so với chỉ tiêu phân khai của Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 tại huyện Bắc Mê*

Bảng 08: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2021, năm 2022; chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 tại huyện Bắc Mê

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Quy hoạch đến năm 2030	Kết quả thực hiện đến 31/12/2021	Kết quả thực hiện đến 31/12/2022	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Đánh giá chỉ tiêu sử dụng đất so với chỉ tiêu phân khai của Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030		
							2021/2030	2022/2030	2023/2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)-(4)	(9)=(6)-(4)	(10)= (7)-(4)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		85.606,55	85.606,55	85.606,55	85.606,55	-	-	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	78.145,42	67.242,80	67.628,98	67.530,94	-10902,62	-10516,44	-10614,48
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.598,66	3.694,35	3.694,34	3.691,60	95,69	95,68	92,94
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	687,15	719,80	719,80	718,95	32,65	32,65	31,80
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	7.338,84	7.568,54	7.568,28	7.554,03	229,70	229,44	215,19
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.724,21	1.340,65	1.340,39	1.334,74	-383,56	-383,82	-389,47
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	19.035,00	17.844,07	17.864,12	17.863,62	-1190,93	-1170,88	-1171,38
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	11.848,80	10.772,42	10.782,85	10.782,79	-1076,38	-1065,95	-1066,01
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	34.433,40	25.929,99	26.286,22	26.211,68	-8503,41	-8147,18	-8221,72
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	20.344,55	20.942,76	21.177,66	21.177,66	598,21	833,11	833,11

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Quy hoạch đến năm 2030	Kết quả thực hiện đến 31/12/2021	Kết quả thực hiện đến 31/12/2022	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Đánh giá chỉ tiêu sử dụng đất so với chỉ tiêu phân khai của Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030		
							2021/2030	2022/2030	2023/2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)-(4)	(9)=(6)-(4)	(10)= (7)-(4)
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	66,41	70,88	70,88	70,59	4,47	4,47	4,18
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	100,11	21,90	21,90	21,89	-78,21	-78,21	-78,22
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.995,53	3.899,91	3.904,71	4.007,75	-1095,62	-1090,82	-987,78
2.1	Đất quốc phòng	CQP	67,35	6,72	6,72	25,45	-60,63	-60,63	-41,90
2.2	Đất an ninh	CAN	3,57	1,18	1,18	2,38	-2,39	-2,39	-1,19
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	65,00	-	-	-	-65,00	-65,00	-65,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	26,30	2,45	2,45	4,64	-23,85	-23,85	-21,66
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,25	3,14	3,14	3,14	-0,11	-0,11	-0,11
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	953,46	944,75	949,51	949,51	-8,71	-3,95	-3,95
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	235,99	-	-	9,07	-235,99	-235,99	-226,92
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.252,41	1.818,84	1.818,16	1.886,15	-433,57	-434,25	-366,26
	Đất giao thông	DGT	1.006,86	719,33	718,96	781,36	-287,53	-287,90	-225,50
	Đất thủy lợi	DTL	38,56	29,50	29,50	29,19	-9,06	-9,06	-9,37

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Quy hoạch đến năm 2030	Kết quả thực hiện đến 31/12/2021	Kết quả thực hiện đến 31/12/2022	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Đánh giá chỉ tiêu sử dụng đất so với chỉ tiêu phân khai của Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030		
							2021/2030	2022/2030	2023/2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)-(4)	(9)=(6)-(4)	(10)= (7)-(4)
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,03	0,66	0,66	0,66	-3,37	-3,37	-3,37
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	11,11	3,48	3,48	7,97	-7,63	-7,63	-3,14
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	45,40	37,57	37,57	37,26	-7,83	-7,83	-8,14
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	11,09	3,18	3,18	3,07	-7,91	-7,91	-8,02
	Đất công trình năng lượng	DNL	1.039,34	994,09	994,09	995,49	-45,25	-45,25	-43,85
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	2,07	0,67	0,67	0,67	-1,40	-1,40	-1,40
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc	DKG	-	-	-	-	-	-	-
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	6,02	1,56	1,25	1,25	-4,46	-4,77	-4,77
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	25,18	2,34	2,34	2,34	-22,84	-22,84	-22,84
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-	-	-	-	-	-	-
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	57,33	22,91	22,91	22,91	-34,42	-34,42	-34,42
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-	-	-	-
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	-	-	-	-	-	-	-
	Đất chợ	DCH	5,43	3,55	3,55	3,98	-1,88	-1,88	-1,45

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích Quy hoạch đến năm 2030	Kết quả thực hiện đến 31/12/2021	Kết quả thực hiện đến 31/12/2022	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Đánh giá chỉ tiêu sử dụng đất so với chỉ tiêu phân khai của Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030		
							2021/2030	2022/2030	2023/2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5)-(4)	(9)=(6)-(4)	(10)= (7)-(4)
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	14,17	-	-	-	-14,17	-14,17	-14,17
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,21	4,39	4,39	4,35	-6,82	-6,82	-6,86
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	48,56	0,83	0,83	6,31	-47,73	-47,73	-42,25
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	492,45	306,43	306,83	306,40	-186,02	-185,62	-186,05
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	77,95	46,34	46,68	47,82	-31,61	-31,27	-30,13
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,09	10,45	10,45	10,33	-1,64	-1,64	-1,76
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,70	1,15	1,15	2,93	-3,55	-3,55	-1,77
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,20	0,20	0,20	0,20	-	-	-
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	726,65	752,82	752,80	748,85	26,17	26,15	22,20
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,01	0,01	0,01	0,01	-	-	-
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,21	0,21	0,21	0,21	0,00	0,00	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.465,60	14.463,84	14.072,86	14.067,86	11.998,24	11.607,26	11.602,26

*** Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023**

Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế, xã hội, nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực xác định nhu cầu sử dụng đất năm 2023 của huyện Bắc Mê như sau:

- Đất nông nghiệp 67.530,94 ha, chiếm 78,89% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp: 4.007,75 ha, chiếm 4,68% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng: 14.067,86 ha, chiếm 16,43% tổng diện tích tự nhiên.

Cụ thể các chỉ tiêu sử dụng đất của huyện theo phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Bắc Mê được thể hiện:

Bảng 07: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 tại huyện Bắc Mê

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2022		Kế hoạch đến năm 2023		Tăng, giảm (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	Tổng diện tích đất tự nhiên		85.606,55	100,00	85.606,55	100,00	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	67.628,98	79,00	67.530,94	78,89	-98,04
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.694,34	4,32	3.691,60	4,31	-2,74
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>719,80</i>	<i>0,84</i>	<i>718,95</i>	<i>0,84</i>	<i>-0,85</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	7.568,28	8,84	7.554,03	8,82	-14,25
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.340,39	1,57	1.334,74	1,56	-5,65
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	17.864,12	20,87	17.863,62	20,87	-0,50
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	10.782,85	12,60	10.782,79	12,60	-0,06
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	26.286,22	30,71	26.211,68	30,62	-74,54
	<i>Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>20.860,94</i>	<i>24,74</i>	<i>21.177,66</i>	<i>24,74</i>	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	70,88	0,08	70,59	0,08	-0,29
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	21,90	0,03	21,89	0,03	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.904,71	4,56	4.007,75	4,68	103,04
2.1	Đất quốc phòng	CQP	6,72	0,01	25,45	0,03	18,73
2.2	Đất an ninh	CAN	1,18	0,001	2,38	0,003	1,20
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,45	0,003	4,64	0,01	2,19
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,14	0,004	3,14	0,004	-
2.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	949,51	1,11	949,51	1,11	-

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2022		Kế hoạch đến năm 2023		Tăng, giảm (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	-	-	9,07	0,01	9,07
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.818,16	2,12	1.886,15	2,20	67,99
	Đất giao thông	DGT	718,96	0,84	781,36	0,91	62,40
	Đất thủy lợi	DTL	29,50	0,03	29,19	0,03	-0,31
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,66	0,001	0,66	0,001	-
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,48	0,004	7,97	0,01	4,49
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	37,57	0,04	37,26	0,04	-0,31
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	3,18	0,004	3,07	0,004	-0,11
	Đất công trình năng lượng	DNL	994,09	1,16	995,49	1,16	1,40
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,67	0,001	0,67	0,001	-
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,25	0,001	1,25	0,001	-
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	2,34	0,003	2,34	0,003	-
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	22,91	0,03	22,91	0,03	-
	Đất chợ	DCH	3,55	0,004	3,98	0,005	0,43
2.8	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,39	0,01	4,350	0,01	-0,04
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,83	0,001	6,31	0,007	5,48
2.11	Đất ở tại nông thôn	ONT	306,83	0,36	306,40	0,36	-0,43
2.12	Đất ở tại đô thị	ODT	46,68	0,05	47,82	0,06	1,14
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,45	0,01	10,33	0,01	-0,12
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,15	0,001	2,93	0,003	1,78
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,20	0,0002	0,20	0,0002	-

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2022		Kế hoạch đến năm 2023		Tăng, giảm (ha)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	752,80	0,88	748,85	0,87	-3,95
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,01	0,00001	0,01	0,00001	-
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,21	0,0002	0,21	0,0002	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	14.072,86	16,44	14.067,86	16,43	-5,00

3.3.1. Đất nông nghiệp

Quỹ đất nông nghiệp của huyện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 67.530,94 ha, giảm 98,0 ha so với hiện trạng năm 2022. Chi tiết các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp như sau:

3.3.1.1. Đất trồng lúa

Diện tích đất trồng lúa theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 3.691,60 ha, giảm 2,74 ha so với năm hiện trạng 2022, do chuyển sang sử dụng cho các mục đích sau:

- Đất giao thông : 1,33 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế : 0,55 ha;
- Đất chợ : 0,24 ha;
- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp : 0,62 ha.

Diện tích đất trồng lúa giảm là do trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chuyển mục đích đất trồng lúa sang thực hiện công trình: Quy hoạch mở đá vôi thôn Bản Đuốc; Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (Đoạn I từ Km 7+200 đến Km 27+500); Xử lý 12 vị trí cong khuất tầm nhìn tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT Quốc lộ 34, tỉnh Hà Giang (Đoạn Km 21+464 đến Km 45+481); Cầu cứng số 2 qua sông Gâm (Dự kiến địa điểm Ngã 3 trường Trần Quốc Toản sang bên kia sông) được HĐND tỉnh Hà Giang thông qua tại Nghị Quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22/03/2022; Trạm kiểm soát lâm sản Minh Ngọc được HĐND tỉnh Hà Giang thông qua tại Nghị Quyết số 45/NQ-HĐND ngày 03/12/2021; Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 08/12/2017.

3.3.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 7.554,03 ha, giảm 14,25 ha so với hiện trạng năm 2022 trong đó:

Diện tích giảm 14,25 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất quốc phòng : 3,88 ha;
- Đất an ninh : 0,31 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ : 0,26 ha;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm : 1,64 ha;
- Đất giao thông : 4,78 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế : 1,24 ha;
- Đất công trình năng lượng : 1,40 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,41 ha;
- Đất ở tại đô thị : 0,33 ha.

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm do thu hồi, chuyển mục đích đất trồng cây hàng năm khác để thực hiện các công trình, dự án: Thao trường huấn luyện LLDQTV Yên Phong; Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Đường Hồng, Minh Ngọc, Giáp Trung; Cửa hàng xăng dầu xã Yên Cường; Nâng cấp mở rộng đường từ Km 49 QL34 đi thôn Giáp Cư, xã Lạc Nông; Dự án mở đường bờ Nam sông Gâm; Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B); Nâng cấp mở rộng đường đi thôn Nà Lại đoạn từ Km0+300 đi thôn Nà Lại xã Thượng Tân; Nâng cấp mở rộng nền đường, đổ bê tông mặt đường liên thôn từ trung tâm xã đi thôn Nặm Ắn xã Phú Nam; Cầu cứng số 2 qua sông Gâm (Dự kiến địa điểm Ngã 3 trường Trần Quốc Toàn sang bên kia sông); Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê; Đường dây và trạm biến áp 110 kV Hà Giang - Bắc Mê; Nhu cầu chuyển mục đích đất trồng cây hàng năm sang đất ở trên địa bàn huyện Bắc Mê.

3.3.1.3. Đất trồng cây lâu năm

Diện tích đất trồng cây lâu năm theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 1.334,74 ha, giảm 5,65 ha so với hiện trạng năm 2022.

Diện tích giảm 5,65 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm : 0,42 ha;
- Đất giao thông : 4,50 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế : 0,03 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,49 ha;
- Đất ở tại đô thị : 0,21 ha.

Diện tích đất trồng cây lâu năm giảm do trong kế hoạch 2023 thu hồi, chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm sang để thực hiện công trình dự án: Mở đả vôi thôn Bản Đuốc, xã Yên Phong; Nâng cấp mở rộng đường từ Km49 QL34 đi thôn Giáp Cự, xã Lạc Nông; Dự án mở đường bờ Nam sông Gâm; Nâng cấp mở rộng đường đi thôn Nà Lại đoạn từ Km0+300 đi thôn Nà Lại xã Thượng Tân; Nâng cấp mở rộng nền đường, đổ bê tông mặt đường liên thôn từ trung tâm xã đi thôn Nặm Ắn xã Phú Nam; Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê; Nhu cầu chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm sang đất ở trên địa bàn huyện.

3.3.1.4. Đất rừng phòng hộ

Diện tích đất rừng phòng hộ của huyện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 17.863,62 ha, giảm 0,50 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

Diện tích đất rừng phòng hộ giảm do thu hồi, chuyển mục đích đất rừng phòng hộ sang đất giao thông để thực hiện công trình, dự án: Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ được HĐND tỉnh Hà Giang thông qua tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22/03/2022.

3.3.1.5. Đất rừng đặc dụng

Diện tích đất rừng đặc dụng của huyện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 10.782,79 ha, giảm 0,06 ha so với năm 2022.

Diện tích đất rừng đặc dụng giảm do thu hồi, chuyển mục đích đất rừng phòng hộ sang đất giao thông để thực hiện công trình, dự án: Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ được HĐND tỉnh Hà Giang thông qua tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 22/03/2022.

3.3.1.5. Đất rừng sản xuất

Diện tích đất rừng sản xuất theo phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 26.211,68 ha, giảm 74,54 ha so với năm 2022 trong đó:

Diện tích giảm 74,54 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- | | |
|----------------------------------------------|-------------|
| - Đất quốc phòng | : 9,27 ha; |
| - Đất an ninh | : 0,17 ha; |
| - Đất thương mại, dịch vụ | : 1,93 ha; |
| - Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm | : 2,11 ha; |
| - Đất giao thông | : 52,96 ha; |
| - Đất ở tại nông thôn | : 0,98 ha; |
| - Đất ở tại đô thị | : 0,47 ha; |
| - Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp | : 1,16 ha. |

Diện tích đất rừng sản xuất giảm do thu hồi đất rừng sản xuất để thực hiện công trình, dự án: Thao trường huấn luyện LLDQTV xã Yên Cường; Thao trường bắn tại xã Yên Phong, huyện Bắc Mê; Xây dựng trụ sở công an xã Đường Hồng; Xây dựng trụ sở công an xã Yên Định; Đấu giá đất thương mại dịch vụ khu du lịch sinh thái rừng thôn Phia Dầu xã Yên Định; Mỏ đá vôi thôn Bản Đuốc, xã Yên Phong; Nâng cấp mở rộng đường từ Km49 QL34 đi thôn Giáp Cự, xã Lạc Nông; Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ; Dự án mở đường bờ Nam sông Gâm; Xử lý 12 vị trí cong khuất tầm nhìn tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT QL 34 tỉnh Hà Giang; Nâng cấp mở rộng nền đường liên thôn từ trung tâm xã đi thôn Nặm Ắn xã Phú Nam; Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê; nhu cầu chuyển mục đích đất ở trên địa bàn huyện Bắc Mê...

3.3.1.7. Đất nuôi trồng thủy sản:

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện là 70,59 ha, giảm 0,29 ha so với năm 2022 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất xây dựng cơ sở y tế : 0,15 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,04 ha;
- Đất ở tại đô thị : 0,10 ha.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm do trong năm kế hoạch 2023 dự kiến thu hồi đất nuôi trồng thủy sản để thực hiện công trình, dự án: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê, chuyển mục đích đất nuôi trồng thủy sản sang đất ở trên địa bàn huyện Bắc Mê.

3.3.1.8. Đất nông nghiệp khác:

Diện tích đất nông nghiệp khác của huyện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 21,89 ha, giảm 0,01 ha so với hiện trạng đất năm 2022 do nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại thị trấn Yên Phú.

3.3.2. Đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 4.007,75 ha, thực tăng 103,04 ha so với hiện trạng năm 2022. Chi tiết các loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp như sau:

3.3.2.1. Đất quốc phòng:

Diện tích đất quốc phòng 2023 là 25,45 ha, tăng 18,73 ha so với năm 2022 diện tích tăng lên được lấy từ các loại đất sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 3,88 ha;
- Đất rừng sản xuất : 9,27 ha;
- Đất giao thông : 1,35 ha;
- Đất thủy lợi : 0,31 ha;
- Đất chưa sử dụng : 3,92 ha.

Diện tích đất quốc phòng tăng do trong năm 2023 dự kiến thực hiện công trình, dự án: Thao trường huấn luyện LLDQTV xã Yên Cường; Thao trường bắn tại xã Yên Phong, huyện Bắc Mê.

3.3.2.2. Đất an ninh:

Diện tích đất an ninh của huyện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 2,38 ha, diện tích tăng 1,20 ha so với hiện trạng năm 2022 do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 0,31 ha;
- Đất rừng sản xuất : 0,17 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,29 ha;
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao : 0,11 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,32 ha.

Diện tích đất an ninh tăng do dự kiến thực hiện công trình, dự án: Xây dựng trụ sở công an xã Đường Âm, Lạc Nông, Đường Hồng, Thượng Tân, Yên Định, Minh Ngọc, Yên Phong, Giáp Trung, Yên Cường, TT Yên Phú...

3.3.2.3. Đất thương mại, dịch vụ:

Diện tích đất thương mại, dịch vụ theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 4,64 ha, tăng 2,19 ha so với hiện trạng năm 2022, diện tích tăng lên được lấy từ các loại đất sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 0,26 ha;
- Đất rừng sản xuất : 1,93 ha;

Diện tích đất thương mại, dịch vụ tăng do dự kiến thực hiện đấu giá đất thương mại, dịch vụ Khu du lịch sinh thái rừng thôn Phia Dầu; Cửa hàng xăng dầu xã Yên Cường...

3.3.2.4. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 3,14 ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2022.

3.3.2.5. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2023 là 949,51 ha ổn định diện tích so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

3.3.2.6. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm năm 2023 là 9,07 ha, tăng 9,07 ha so với hiện trạng năm 2022 được lấy từ các loại đất sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 1,64 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 0,42 ha;
- Đất rừng sản xuất : 2,11 ha;
- Đất giao thông : 0,10 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh rạch, suối : 3,95 ha;
- Đất chưa sử dụng : 0,85 ha.

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm tăng do quy hoạch công trình, dự án: Mỏ Cát sỏi thôn Bó Củng tại TT Yên Phú; Mỏ đá vôi thôn Bản Đuốc xã Yên Phong.

3.3.2.6. Đất phát triển hạ tầng:

Diện tích đất phát triển hạ tầng của huyện theo kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 1.886,15 ha, thực tăng 67,99 ha so với hiện trạng năm 2022.

Trong đó:

*** Đất giao thông**

Diện tích đất giao thông trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 781,36 ha thực tăng 62,40 ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

Diện tích tăng 64,13 ha được lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa : 1,33 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 4,78 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 4,50 ha;
- Đất rừng phòng hộ : 0,50 ha;
- Đất rừng đặc dụng : 0,06 ha;
- Đất rừng sản xuất : 52,96 ha.

Diện tích đất giao thông tăng do trong kế hoạch năm 2023 dự kiến thực hiện các công trình, dự án: Nâng cấp mở rộng đường từ Km49 QL34 đi thôn Giáp Cư, xã Lạc Nông; Dự án mở đường bờ nam sông Gâm; Dự án cải tạo, nâng

cấp tuyến đường Minh Ngọc - Mậu Duệ; Xử lý 12 vị trí cong khuất tầm nhìn tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT QL34, tỉnh Hà Giang; Nâng cấp mở rộng đường đi thôn Nà Lại đoạn từ Km0+300 đi thôn Nà Lại xã Thượng Tân; Nâng cấp mở rộng nền đường, đổ bê tông mặt đường liên thôn từ trung tâm xã đi thôn Nặm Ân xã Phú Nam; Cầu cứng số 2 qua sông Gâm...

Diện tích giảm 1,73 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất quốc phòng : 1,35 ha;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm : 0,10 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế : 0,28 ha.

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 dự kiến thu hồi 1,73 ha diện tích đất giao thông tại các xã cụ thể như sau: 0,28 ha của xã Lạc Nông thực hiện công trình Bệnh viện đa khoa Bắc Mê; 1,45 ha của xã Yên Phong để thực hiện công trình Thao trường huấn luyện LLDQTV Yên Phong (thu hồi 1,35 ha đất giao thông), Mỏ đá vôi thôn Bản Đuốc, xã Yên Phong (thu hồi 0,1 ha đất giao thông).

** Đất thủy lợi*

Diện tích đất thủy lợi năm 2023 là 29,19 ha, giảm 0,31 ha so với hiện trạng năm 2022. Diện tích giảm do chuyển sang đất quốc phòng để thực hiện công trình: Thao trường huấn luyện LLDQTV Yên Phong.

** Đất xây dựng cơ sở văn hóa*

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2023 là 0,66 ha ổn định diện tích so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

** Đất xây dựng cơ sở y tế*

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế năm 2023 là 7,97 ha tăng 4,49 ha so với hiện trạng năm 2022, diện tích tăng thêm được lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa : 0,55 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác : 1,24 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 0,03 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản : 0,15 ha;
- Đất giao thông : 0,28 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 2,24 ha.

Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế tăng lên do dự kiến thực hiện công trình Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê.

** Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2023 là 37,26 ha, giảm 0,31 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất an ninh : 0,29 ha;
- Đất chợ : 0,02 ha.

Diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo giảm do dự kiến thực hiện công trình: Xây dựng cơ sở làm việc công an xã Lạc Nông; Mở rộng trụ sở làm việc công an huyện Bắc Mê, Xây dựng chợ trung tâm xã Minh Sơn.

** Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao*

Diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao năm 2023 là 3,07 ha, giảm (0,11) ha so với hiện trạng năm 2022, diện tích giảm được chuyển sang đất an ninh để xây dựng trụ sở làm việc công an xã Thượng Tân.

** Đất công trình năng lượng*

Diện tích đất công trình năng lượng năm 2023 là 995,49 ha tăng 1,40 ha so với hiện trạng năm 2022. Diện tích tăng 1,40 ha được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác để thực hiện công trình đường dây và trạm biến áp 110 kV Hà Giang - Bắc Mê.

** Đất công trình bưu chính viễn thông*

Diện tích đất công trình bưu chính viễn thông năm 2023 là 0,67 ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2022.

** Đất có di tích lịch sử - văn hóa*

Diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa năm 2023 là 1,25 ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2022.

** Đất bãi thải, xử lý chất thải*

Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2023 là 2,34 ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2022.

** Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*

Diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng năm 2023 là 22,91 ha, ổn định diện tích so với hiện trạng năm 2022.

** Đất chợ*

Diện tích đất chợ năm 2023 là 3,98 ha, tăng 0,43 ha so với hiện trạng năm 2022 được lấy từ các loại đất:

- Đất trồng lúa : 0,24 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo : 0,02 ha;

- Đất sinh hoạt cộng đồng : 0,04 ha;
- Đất ở tại nông thôn : 0,11 ha;
- Đất chưa sử dụng : 0,02 ha.

Diện tích đất chợ tăng do quy hoạch công trình: Chợ xã Minh Sơn; Mở rộng chợ trung tâm xã Yên Cường.

3.3.2.9. Đất sinh hoạt cộng đồng:

Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng năm 2023 là 4,35 ha, giảm 0,04 ha so với hiện trạng năm 2022. Diện tích giảm được chuyển sang đất chợ để thực hiện công trình chợ trung tâm xã Minh Sơn.

3.3.2.10. Đất khu vui chơi giải trí công cộng:

Diện tích đất khu vui chơi giải trí công cộng năm 2023 là 6,31 ha, ổn định diện tích so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022.

3.3.2.9. Đất ở tại nông thôn:

Diện tích đất ở tại nông thôn năm 2023 là 306,40 ha, thực tăng 0,43 ha so với hiện trạng năm 2022. Trong đó:

Diện tích tăng 1,92 ha được lấy từ các loại đất sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 0,41 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 0,49 ha;
- Đất rừng sản xuất : 0,98 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản : 0,04 ha;

Diện tích đất ở tại nông thôn tăng lên do quy hoạch các công trình, dự án: Đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn xã Yên Định; Yên Cường; Nhu cầu chuyển mục đích đất ở trên địa bàn các xã...

Diện tích giảm 2,35 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất xây dựng cơ sở y tế : 2,24 ha;
- Đất chợ : 0,11 ha.

Diện tích đất ở tại nông thôn giảm do dự kiến thu hồi, chuyển mục đích đất ở nông thôn sang thực hiện công trình: Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê; Mở rộng chợ trung tâm xã Yên Cường...

3.3.2.10. Đất ở tại đô thị:

Diện tích đất ở tại đô thị năm 2023 là 47,82 ha, tăng 1,14 ha so với hiện trạng năm 2022, diện tích đất ở tại đô thị tăng do các loại đất sau chuyển sang:

- Đất trồng cây hàng năm khác : 0,33 ha;
- Đất trồng cây lâu năm : 0,21 ha;
- Đất rừng sản xuất : 0,47 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản : 0,10 ha;
- Đất nông nghiệp khác : 0,010 ha.
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,02 ha.

Diện tích đất ở tại đô thị tăng do dự kiến đầu giá đất ở trên địa bàn thôn Bó Củng, đầu giá đất ở tại thôn Pắc Mìa thị trấn Yên Phú; nhu cầu chuyên mục đích sang đất ở của hộ gia đình các nhân trên địa bàn thị trấn Yên Phú.

3.3.2.11. Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2023 là 10,33 ha, thực giảm - 0,12 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2022, trong đó:

Diện tích giảm 0,34 ha do chuyển sang các loại đất

- Đất an ninh : 0,32 ha;
- Đất ở tại đô thị : 0,02 ha.

Diện tích đất đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 0,22 ha được lấy từ đất chưa sử dụng để xây dựng trụ sở kho bạc tại huyện Bắc Mê.

3.3.2.12. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:

Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2023 là 2,93 ha, tăng 1,78 ha so với hiện trạng năm 2022.

Diện tích tăng 1,78 ha được lấy từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa : 0,62 ha;
- Đất rừng sản xuất : 1,16 ha.

Diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp tăng do dự kiến thực hiện công trình, dự án: Trạm kiểm soát lâm sản Minh Ngọc.

3.3.2.13. Đất cơ sở tín ngưỡng:

Ổn định diện tích 0,20 ha so với hiện trạng năm 2022.

3.3.2.14. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2023 là 748,85 ha, giảm 3,95 ha so với hiện trạng năm 2022 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất sản xuất vật xây dựng, làm đồ gốm : 3,95 ha.

Diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm do dự kiến thu hồi thực hiện Mỏ Cát sỏi thôn Bó Củng, thị trấn Yên Phú.

3.3.2.15. Đất có mặt nước chuyên dùng

Ổn định diện tích 0,01 ha so với hiện trạng năm 2022.

3.3.2.16. Đất phi nông nghiệp khác:

Ổn định diện tích 0,21 ha so với hiện trạng năm 2022.

3.3.3. Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2023 là 14.067,86 ha, giảm 5,00 ha so với hiện trạng năm 2022, do chuyển sang đất:

- Đất quốc phòng : 3,92 ha;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm : 0,85 ha;
- Đất chợ : 0,02 ha;
- Đất ở tại nông thôn : - ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan : 0,22 ha.

Diện tích đất chưa sử dụng giảm do đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho dự án: Thao trường huấn luyện LLDQTV xã Yên Phong; Mỏ Cát sỏi thôn Bó Củng; Mỏ đá vôi thôn Bản Đuốc, xã Yên Phong; Mở rộng chợ trung tâm xã Yên Cường; Kho bạc Nhà nước huyện Bắc Mê.

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Trong năm 2023 diện tích chuyển mục đích sử dụng đất cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp với tổng diện tích 98,04 ha. Trong đó:
 - + Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 2,74 ha;
 - + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 14,25 ha;
 - + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 5,65 ha;
 - + Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất phi nông nghiệp: 0,50 ha;
 - + Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất phi nông nghiệp: 0,06 ha;
 - + Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 74,54 ha;
 - + Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 0,29 ha;
 - + Đất nông nghiệp khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 0,010 ha;
 - Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở: 0,02 ha.

Bảng 08: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích năm 2023 (ha)	Chỉ tiêu chuyển tiếp sang năm 2023 (ha)	Chỉ tiêu đăng ký mới năm 2023 (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	98,04	94,97	3,07
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	2,74	2,74	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>0,85</i>	<i>0,85</i>	<i>-</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	14,25	13,30	0,95
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	5,65	4,95	0,70
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	0,50	0,50	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	0,06	0,06	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	74,54	73,27	1,27
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,29	0,15	0,14
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,010	-	0,01
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp				
3	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,02	-	0,02

(Chi tiết tại Biểu 07/CH: Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023)

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Diện tích các loại đất cần thu hồi trong kế hoạch 2023 là ha. Trong đó:

* Thu hồi đất nông nghiệp với tổng diện tích 95,36 ha, cụ thể:

- + Đất trồng lúa: 2,74 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 13,55 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 4,95 ha;
- + Đất rừng phòng hộ: 0,50 ha;
- + Đất rừng đặc dụng: 0,06 ha;
- + Đất rừng sản xuất: 73,41 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 0,15 ha;

* Thu hồi đất phi nông nghiệp với tổng diện tích 9,14 ha, cụ thể:

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: 2,46 ha, trong đó:

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,04 ha;
- Đất ở tại nông thôn: 2,35 ha
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,34 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 3,95 ha.

Bảng 09: Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 huyện Bắc Mê

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích năm 2023 (ha)	Chỉ tiêu chuyển tiếp sang năm 2023 (ha)	Chỉ tiêu đăng ký mới năm 2023 (ha)
1	Đất nông nghiệp	NNP	95,36	94,97	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2,74	2,74	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>0,85</i>	<i>0,85</i>	<i>-</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	13,55	13,30	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4,95	4,95	-
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	0,50	0,50	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,06	0,06	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	73,41	73,27	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,15	0,15	-
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9,14	8,84	0,02
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2,46	2,36	-
-	Đất giao thông	DGT	1,73	1,73	-
-	Đất thủy lợi	DTL	0,31	0,31	-
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,31	0,21	-
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	0,11	0,11	-
	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,04	0,04	-
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,35	2,35	-
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,34	0,14	0,02
2.4	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	3,95	3,95	-

(Chi tiết tại Biểu 08/CH. Kế hoạch thu hồi đất năm 2023 huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang)

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là 5,00 ha. Trong đó:

* Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp với diện tích 5,00 ha, trong đó:

+ Đất quốc phòng: 3,92 ha để thực hiện công trình thao trường huấn luyện LLDQTV Yên Phong

+ Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 0,85 ha để thực hiện công trình Mỏ Cát sỏi thôn Bó Củng.

+ Đất phát triển hạ tầng: 0,020 ha để thực hiện công trình: ĐZ 35kV và TBA cấp điện thôn Pom Cút, xã Đường Âm, huyện Bắc Mê.

(Chi tiết tại Biểu 09/CH. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023).

3.7. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

*** Đất đô thị**

Trong năm 2023 tổng diện tích đất đô thị của huyện Bắc Mê là 7.006,08 ha, chiếm 8,18% diện tích tự nhiên toàn huyện. Diện tích đất đô thị thuộc thị trấn Yên Phú với cơ cấu các loại đất như sau:

- Đất nông nghiệp là 6.061,98 ha, chiếm 86,52% tổng diện tích đất đô thị.
- Đất phi nông nghiệp là 395,51 ha, chiếm 5,65% tổng diện tích đất đô thị.
- Đất chưa sử dụng là 548,59 ha, chiếm 7,83% tổng diện tích đất đô thị.

*** Khu sản xuất nông nghiệp**

Dự kiến năm 2023 khu vực sản xuất nông nghiệp (*bao gồm khu vực chuyên trồng lúa nước và khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm*) huyện Bắc Mê có diện tích là 2.053,69 ha, chiếm 2,40% tổng diện tích tự nhiên, trong đó: thị trấn Yên Phú là 163,14 ha; xã Đường Âm là 202,75 ha; xã Đường Hồng là 107,11 ha; xã Giáp Trung là 203,01 ha; xã Minh Ngọc là 115,92 ha; xã Lạc Nông là 175,74 ha; xã Minh Sơn là 138,10 ha; xã Phiêng Luông là 26,69 ha; xã Phú Nam là 145,73 ha; xã Thượng Tân là 99,99 ha; xã Yên Cường là 100,69 ha; xã Yên Định là 478,40 ha; xã Yên Phong là 96,42 ha.

*** Khu lâm nghiệp**

Dự kiến năm 2023 khu lâm nghiệp (*bao gồm: khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất*) huyện Bắc Mê có diện tích là 54.858,09 ha,

chiếm 64,08% tổng diện tích tự nhiên, trong đó: thị trấn Yên Phú là 4.649,04 ha; xã Đường Âm là 2.536,75 ha; xã Đường Hồng là 2.572,07 ha; xã Giáp Trung là 3.912,37 ha; xã Minh Ngọc là 5.578,02 ha; xã Lạc Nông là 2.835,88 ha; xã Minh Sơn là 9.781,26 ha; xã Phiêng Luông là 1.988,66 ha; xã Phú Nam là 2.971,78 ha; xã Thượng Tân là 4.281,53 ha; xã Yên Cường 5.829,15 ha; xã Yên Định là 5.863,46 ha; xã Yên Phong là 2.058,13 ha.

*** Khu du lịch**

Dự kiến năm 2023 khu du lịch huyện Bắc Mê là 1,25 ha, chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện bao gồm khu, điểm du lịch, cơ sở lưu trú, các công trình dịch vụ phục vụ du lịch khác, trong đó: thị trấn Yên Phú là 0,08 ha; xã Yên Cường là 1,17 ha.

*** Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học**

Dự kiến năm 2023 khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học huyện Bắc Mê là 12.361,53 ha, chiếm 14,44% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện, trong đó: xã Minh Ngọc là 2.566,08 ha; xã Lạc Nông là 1.435,48 ha; xã Minh Sơn là 5.877,75 ha; xã Thượng Tân là 2.482,22 ha.

*** Khu thương mại - dịch vụ**

Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư tiếp tục đầu tư phát triển thị trấn Yên Phú thành trung tâm hành chính - kinh tế của huyện với các khu vực chức năng chính: khu hành chính, chính trị tập trung; khu trung tâm thương mại, dịch vụ; khu trung tâm thể thao văn hóa; trung tâm y tế giáo dục. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật nhất là hạ tầng giao thông được đầu tư phát triển theo hướng hiện đại. Đây sẽ là đầu mối tập trung cung cấp dịch vụ cho khu trung tâm hành chính huyện.

Ưu tiên quỹ đất tại các vị trí đẹp, trung tâm để xây dựng hệ thống thương mại, dịch vụ đồng bộ tại trung tâm huyện; tại trung tâm các xã, thị trấn gắn với hệ thống phân phối, bán buôn bán lẻ, đồng thời bố trí quỹ đất thuận tiện giao thông gắn với trung tâm các xã để xây dựng chợ trung tâm xã, nâng cấp các điểm giao dịch thành chợ, đảm bảo cung cấp nhu yếu phẩm cần thiết cho sinh hoạt, sản xuất của Nhân dân.

Dự kiến năm 2023 khu thương mại - dịch vụ huyện Bắc Mê có diện tích là 4,64 ha, chiếm 0,005% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện, trong đó: thị trấn Yên Phú là 1,38 ha; xã Đường Hồng là 0,06 ha; xã Minh Ngọc là 0,52 ha; xã Yên Cường là 0,52 ha; xã Yên Định là 2,16 ha.

*** Khu dân cư nông thôn**

Dự kiến năm 2023 khu dân cư nông thôn huyện Bắc Mê có diện tích là 508,40 ha, chiếm 0,59% tổng diện tích tự nhiên trong đó: Xã Đường Âm là 59,08 ha; xã Đường Hồng là 47,21 ha; xã Giáp Trung là 50,94 ha; xã Minh Ngọc là 35,23 ha; xã Lạc Nông là 41,18 ha; xã Minh Sơn là 59,22 ha; xã Phiêng Luông là 18,29 ha; xã Phú Nam là 30,59 ha; xã Thượng Tân là 23,67 ha; xã Yên Cường là 64,27 ha; xã Yên Định là 45,80 ha; xã Yên Phong là 32,92 ha.

*** Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn**

Dự kiến năm 2023 khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn huyện Bắc Mê có diện tích là 309,37 ha, chiếm 0,36% tổng diện tích tự nhiên, trong đó: Xã Đường Âm là 30,47 ha; xã Đường Hồng là 28,95 ha; xã Giáp Trung là 34,97 ha; xã Minh Ngọc là 18,05 ha; xã Lạc Nông là 21,49 ha; xã Minh Sơn là 36,78 ha; xã Phiêng Luông là 11,80 ha; xã Phú Nam là 20,83 ha; xã Thượng Tân là 14,91 ha; xã Yên Cường là 41,91 ha; xã Yên Định là 31,55 ha; xã Yên Phong là 17,66 ha.

3.8. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Trong năm kế hoạch sử dụng đất 2023 trên địa bàn huyện Bắc Mê có tổng số 37 công trình dự án: trong đó có 24 công trình dự án được chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 sang năm 2023; 13 công trình dự án đăng ký mới trong năm 2023.

(Chi tiết thể hiện trong Biểu 10/CH: Danh mục công trình, dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2023)

3.9. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

3.9.1. Cơ sở tính toán

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang được dựa trên các căn cứ chính sau:

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất của Luật Đất đai;

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) để xây dựng đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang;
- Quyết định 28/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về Ban hành Bảng giá đất chi tiết trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2020-2024;
- Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Giang quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

3.9.2. Phương pháp tính toán và ước tính các khoản thu chi liên quan đến đất đai

** Đối với các khoản thu:*

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Bắc Mê có khoản thu khi giao đất ở và cho thuê đất sử dụng vào mục đích thương mại dịch vụ; sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp; cho thuê đất nông nghiệp.

+ Giá đất khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại đô thị lấy giá bình quân: 1.060.000 đồng/m²;

+ Giá đất khu đấu giá quyền sử dụng đất ở tại nông thôn lấy giá bình quân: 148.000 đồng/m²;

+ Giá đất ở và đất thương mại - dịch vụ ở thị trấn Yên Phú lấy giá bình quân: 897.000 đồng/m²;

+ Giá đất ở và đất thương mại - dịch vụ ở các xã Yên Định, Yên Cường, Phú Nam, Minh Ngọc, Minh Sơn, Lạc Nông, Giáp Trung, Đường Âm bình quân: 125.000 đồng/m²;

+ Giá đất ở và đất thương mại - dịch vụ ở xã Yên Phong bình quân: 160.000 đồng/m²;

+ Giá đất ở và đất thương mại - dịch vụ ở xã Thượng Tân bình quân: 113.000 đồng/m²;

+ Giá đất ở và đất thương mại - dịch vụ ở xã Đường Hồng bình quân: 155.000 đồng/m²;

+ Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp ở thị trấn Yên Phú bình quân: 773.000 đồng/m²;

+ Giá đất nông nghiệp khác bình quân: 54.000 đồng/m² đối với thị trấn và các xã còn lại khoảng 35.000 đồng/m².

** Đối với các khoản chi:*

Chi bồi thường khi thu hồi đất để chuyển sang mục đích sử dụng phi nông nghiệp bao gồm các hạng mục sau:

- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị;

- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn;

- Chi bồi thường khi thu hồi đất nông nghiệp ở đô thị;

+ Đất trồng lúa: Ở thị trấn Yên Phú bình quân 59.000 đồng/m²;

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Ở thị trấn Yên Phú bình quân 56.000 đồng/m²;

+ Đất trồng cây lâu năm: Ở thị trấn Yên Phú bình quân 54.000 đồng/m²;

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Ở thị trấn Yên Phú bình quân 28.000 đồng/m²;

+ Đất rừng sản xuất: Ở thị trấn Yên Phú bình quân 18.000 đồng/m²;

- Chi bồi thường khi thu hồi đất nông nghiệp ở nông thôn;

+ Đất trồng lúa: Ở các xã bình quân 35.000 đồng/m²;

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Ở các xã bình quân 30.000 đồng/m²;

+ Đất trồng cây lâu năm: Ở các xã bình quân 27.000 đồng/m²;

+ Đất rừng sản xuất: Ở các xã bình quân 13.000 đồng/m².

3.9.3. Kết quả tính toán

** Về giá các loại đất:*

Tính theo Quyết định 28/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về Ban hành Bảng giá đất chi tiết trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2020-2024 và Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Giang quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

** Kết quả tính toán*

Ước tính cân đối thu chi từ đất trên địa bàn huyện Bắc Mê trong năm kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là **12,322 tỷ đồng**.

Bảng 10: Dự kiến các khoản thu chi trong năm kế hoạch 2023

TT	Hạng mục	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
I	Các khoản thu		31,739
1.1	Thu tiền khi đấu giá đất ở		2,648
-	Thu tiền khi đấu giá đất ở đô thị	1.060.000	1,272
-	Thu tiền khi đấu giá đất ở nông thôn	148.000	1,376
1.2	Thu tiền khi giao đất ở đô thị		21,044
	TT Yên Phú	897.000	21,044
1.3	Thu tiền khi giao đất ở nông thôn		5,050
1.3.1	Xã Đường Âm	125.000	0,188
1.3.2	Xã Minh Ngọc	125.000	0,338
1.3.3	Xã Lạc Nông	125.000	1,375
1.3.4	Xã Yên Cường	125.000	0,313
1.3.5	Xã Yên Định	125.000	2,738
1.4	Thu tiền khi cho thuê đất sử dụng vào mục đích TMDV, SXKD phi nông nghiệp		2,997
II	Các khoản chi		19,418
2.3.1	Tại TT Yên Phú		2,143
-	Đất trồng cây hàng năm	56.000	0,952
-	Đất trồng cây lâu năm	54.000	0,594
-	Đất rừng sản xuất	18.000	0,597
2.3.2	Tại các xã trong huyện		13,722
-	Đất trồng lúa	35.000	0,959
-	Đất trồng cây hàng năm	30.000	3,573
-	Đất trồng cây lâu năm	27.000	1,040
	Đất nuôi trồng thủy sản	22.000	0,033
-	Đất rừng sản xuất	13.000	8,148
2.4	Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, TĐC (2%*(2.1+2.2+2.3))		0,381
Cân đối thu - chi (I - II)			12,322

Việc dự tính thu chi này được tính toán dựa trên khung giá đất và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất. Việc thu, chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án và vị trí cụ thể của từng loại đất trên cơ sở áp dụng các khung giá quy định tại các thời điểm đó đối với từng dự án cụ thể.

3.10. Sự phù hợp phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 với quy hoạch xây dựng

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê đảm bảo các dự án trong năm 2023 phù hợp với quy hoạch xây dựng bao gồm quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng các khu chức năng, quy hoạch nông thôn theo Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2012 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án điều chỉnh quy hoạch xây dựng chung xây dựng thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê, giai đoạn 2003-2030; Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2021 của UBND huyện Bắc Mê về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Yên Định, huyện Bắc Mê giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Bắc Mê về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Bắc Mê về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Lạc Nông huyện Bắc Mê, giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 2431/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện Bắc Mê về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung chung xây dựng xã Minh Ngọc giai đoạn 2021-2030;

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong công tác quản lý theo các nội dung tại Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh Hà Giang về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 38/CT-TU ngày 08/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3.11. Đánh giá tác động của kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đến kinh tế - xã hội và môi trường

a. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

** Về phát triển kinh tế:*

Phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê là động lực chính để hướng đến các mục tiêu chính sau đây:

- Sử dụng hợp lý quỹ đất nông nghiệp của huyện. Trong sản xuất nông nghiệp sẽ thực hiện mục tiêu chính về kinh tế là:

+ Đảm bảo được nhu cầu lương thực tại chỗ bao gồm cả nhu cầu lương thực để nuôi sống Nhân dân, thức ăn chăn nuôi gia súc và có dự trữ.

+ Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa đặc trưng như: vùng trồng cây ăn quả, vùng trồng rau màu vụ đông, vùng trồng rừng kinh tế gắn với trồng cây dược liệu...

- Việc bố trí quỹ đất dành cho sản xuất nông nghiệp hợp lý với yêu cầu phát triển nông nghiệp hàng hóa, khả năng thu hút đầu tư sẽ tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế của huyện.

** Về các khoản thu, chi từ đất*

- Kết quả thực hiện giao đất ổn định, lâu dài cho hộ gia đình cá nhân sản xuất nông nghiệp là động lực cho việc phát triển nông nghiệp trong thời kỳ đổi mới. Từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã tạo nguồn thu cho ngân sách, là một trong những nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

- Thông qua việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất, Nhà nước đảm bảo quyền được hưởng dụng của các chủ sử dụng. Người sử dụng đất yên tâm đầu tư trên diện tích đất được giao, được thuê để thực hiện tự nguyện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Phương án sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê đã xác định rõ cơ cấu diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng trong năm 2023, theo đó cũng tạo ra nguồn thu từ đất cho ngân sách địa phương từ việc giao đất, cho thuê đất. Đồng thời cũng thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất trong phương án quy hoạch đã xác định được các khoản chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho những đối tượng được nhà nước thu hồi đất để sử dụng vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng trên địa bàn huyện Bắc Mê. Từ đó đã dự tính nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023 vào khoảng 19,25 tỷ đồng.

b. Đánh giá về cơ chế, chính sách; về bất cập trong quá trình thực hiện các văn bản pháp luật

- Một số quy định, chính sách về luật đất đai chưa phù hợp với nhu cầu thực tiễn như: giá đền bù cho người sử dụng đất có đất thu hồi chưa phù hợp với

thực tế vì vậy cần có chính sách hỗ trợ cho người sử dụng đất như đền bù tài sản trên đất khi thu hồi đất.

- Việc giao đất có thu tiền sử dụng đất và cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất nhằm khai thác nguồn lực đất đai thực hiện còn rất hạn chế, hầu hết là vẫn thực hiện giao, cho thuê trực tiếp cho các nhà đầu tư. Tình trạng dự án Nhà nước đã giao đất, cho thuê đất nhưng chậm đưa đất vào sử dụng tuy đã được khắc phục nhưng vẫn còn xảy ra gây lãng phí nguồn lực đất đai; quy định chuyển sang thuê đất của các tổ chức sự nghiệp công lập vẫn chưa được nghiêm túc thực hiện.

- Việc thu hồi đất đối với các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai rất khó khăn, nhất là các dự án đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng.

c. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ

- Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 diện tích đất nông nghiệp giảm đi do phải chuyển sang đất phi nông nghiệp để đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng hệ thống hạ tầng phát triển đô thị. Vì vậy đất nông nghiệp còn lại cần có sự chuyển đổi cơ cấu trong nội bộ đất nông nghiệp (những loại cây trồng không có hiệu quả kinh tế cao cần chuyển đổi sang cây trồng khác) và phát triển nông nghiệp công nghệ cao để khai thác đất nông nghiệp một cách hiệu quả và hợp lý hơn.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê đã đảm bảo ổn định diện tích đất lâm nghiệp là 54.858,09 ha chiếm 64,08% tổng diện tích tự nhiên, góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo độ che phủ của rừng trên 63% .

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Không nên sử dụng quá nhiều phân hoá học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông - lâm nghiệp, tích cực cải tạo làm giàu cho đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

- Sử dụng đất khai thác khoáng sản và làm nguyên vật liệu xây dựng phải có phương án bảo vệ môi trường. Sau khi kết thúc khai thác phải có kế hoạch phục hồi hiện trạng bề mặt sử dụng đất ban đầu, hoặc trồng rừng để bảo vệ môi trường sinh thái.

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các phương án quy hoạch có liên quan đến sử dụng đất: Quy hoạch phát triển đô thị, trung tâm cụm xã, khu dân cư nông thôn, khu sinh thái văn hoá, thương mại, dịch vụ... khai thác triệt để cả không gian và chiều sâu trong quá trình sử dụng đất như: Xây nhà cao tầng, kết hợp giao thông với hệ thống cấp thoát nước, truyền dẫn năng lượng, truyền thông...

- Phát triển nông nghiệp nông thôn gắn với phát triển hạ tầng kỹ thuật: Giao thông, thuỷ lợi, cơ sở chế biến, thị trường tiêu thụ...

- Có kế hoạch khai hoang, phục hoá, để tăng quỹ đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản và tạo thêm mặt bằng xây dựng.

- Phát huy tối đa khả năng đất trống đồi núi trọc vào trồng rừng mới, làm tăng hiệu suất sử dụng đất.

- Bằng biện pháp giao đất cụ thể đến các đối tượng trực tiếp sử dụng đất, phát triển cơ sở hạ tầng (nhất là giao thông) đến các địa bàn còn đất trống, tạo vốn, nhân lực, vật tư để đẩy mạnh trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc làm tăng độ che phủ của rừng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, xây dựng lực lượng kiểm lâm nhân dân đủ lực lượng và phương tiện làm việc, giao đất giao rừng tới các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, nhằm bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn và các vốn rừng hiện có.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục mọi người dân có ý thức trong việc sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả và bảo vệ môi trường.

4.1.1. Đất nông nghiệp, lâm nghiệp

- Hạn chế việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp, đặc biệt là đất lúa, đất màu tốt, đất rừng phòng hộ. Việc lấy đất nông lâm nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp, ngoài việc phải đền bù giá trị tài sản hoa màu, đất đai còn phải hỗ trợ thêm kinh phí để người bị thu hồi đất được học chuyển đổi nghề mới.

- Khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế trang trại, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nông dân có đủ quy mô để sản xuất; phát triển mô hình trang trại cây con tổng hợp sao cho mang lại hiệu cao nhất đảm bảo được vệ sinh môi trường mang tích bền vững.

- Có các phương án để đầu tư khai hoang mở rộng diện tích đất nông nghiệp khi quy hoạch phân bố sử dụng đất được phê duyệt; đẩy nhanh tiến độ đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng khai thác tốt tiềm năng đất đai.

- Tăng cường công tác trồng, bảo vệ và phục hồi rừng nhằm nâng cao chất lượng rừng. Duy trì và bảo vệ nghiêm ngặt rừng đầu nguồn xung yếu, khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia.

4.1.2. Đất ở và đất phát triển hạ tầng

- Việc sử dụng đất ở, đất hạ tầng phải theo quy hoạch, kế hoạch chung và quy hoạch chi tiết; quy hoạch cụm công nghiệp, làng nghề, trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn để ổn định đời sống phát triển kinh tế - xã hội.

- Có chính sách cụ thể để kiểm soát thị trường đất đai đang hình thành phát triển.

- Giải quyết tốt việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng các công trình phúc lợi, phát triển kinh tế an sinh xã hội và xử lý các giải pháp về môi trường đột biến như thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh trong chăn nuôi...

4.4.3. Khai thác tốt tiềm năng đất chưa sử dụng vào các mục đích nông, lâm nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng

- Cần có chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư khai thác đất chưa sử dụng vào các mục đích sử dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hà Giang theo mô hình trồng rừng tập trung trên đất trống chưa có rừng thuộc quy hoạch ba loại rừng với các loại cây trồng phù hợp và phù hợp với điều kiện địa phương, ưu tiên trồng các loại cây bản địa, thân gỗ, đa mục đích như các loài cây Thông ba lá; Sa Mộc; Mỡ; Quế; Sơn tra, Keo lai mô; Lát hoa...

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

4.2.1. Giải pháp nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng giáo dục: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đi đôi với đẩy mạnh giáo dục mũi nhọn, coi trọng giáo dục truyền thống, kỹ năng sống, ý thức chấp hành pháp luật nhằm phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ, đáp ứng xu thế hội nhập, phát triển của đất nước. Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các dự án đào tạo lao động ở các trình độ; phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có chính sách khuyến khích đào tạo nghề tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh; xây dựng và triển khai có hiệu quả các chính sách thu hút người tài, người có trình độ, tay nghề cao.

- Đãi ngộ và thu hút nhân tài: Có chính sách thoả đáng về tiền lương, nhà ở nhằm thu hút cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật, các chuyên gia giỏi, công

nhân lành nghề, các nghệ nhân về huyện xây dựng và phát triển kinh tế. Ngoài cơ chế chính sách trực tiếp đối với cán bộ, chuyên gia giỏi, cần có các chính sách khuyến khích ưu tiên đối với những người đi cùng (gia đình) để cán bộ, chuyên gia yên tâm công tác.

4.2.2. Giải pháp về vốn đầu tư

Huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện quy hoạch, kế hoạch. Tạo môi trường thuận lợi, chính sách đầu tư thông thoáng nhằm khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, cấp phép đầu tư. Đẩy mạnh việc huy động vốn trong nhân dân bằng các phương thức tín dụng tài chính và phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

** Nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước:*

- Tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ kinh tế của huyện. Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng và có các biện pháp khuyến khích tiết kiệm chi ngân sách để dành ưu tiên cho đầu tư phát triển.

- Tăng cường thực hiện cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất để thu hút các nguồn vốn vào xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Xây dựng các dự án có tính khả thi cao để tranh thủ nguồn vốn thông qua các chương trình của Nhà nước như đầu tư thủy lợi, giao thông nông thôn, xóa đói giảm nghèo, nước sạch nông thôn, môi trường, y tế, giáo dục, văn hóa...

** Nguồn vốn từ các doanh nghiệp:*

- Thực hiện cải cách hành chính mạnh mẽ, tạo thông thoáng trong lĩnh vực đầu tư, nhất là đất đai, có các biện pháp khuyến khích các doanh nghiệp trong huyện, trong và ngoài tỉnh đầu tư xây dựng và mở rộng sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện.

- Tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh về tiềm năng, thế mạnh của huyện nhằm thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài.

** Nguồn vốn huy động trong dân:* Thực hiện xã hội hóa các lĩnh vực, làm tốt quy chế dân chủ ở cơ sở để Nhân dân tự nguyện tham gia các hoạt động phát triển hạ tầng (điện, đường, trường, trạm, thủy lợi, nước sạch...) theo phương thức Nhà nước và Nhân dân cùng làm.

4.3. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

4.3.1. Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất huyện Bắc Mê năm 2023 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, sẽ được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, kết hợp với tuyên truyền, phổ biến pháp luật Đất đai.

- Giao cho các ban ngành có liên quan trong huyện khẩn trương xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện các định hướng, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội có liên quan trực tiếp đến huyện trong năm 2023.

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, các cấp, các ngành ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các công trình dự án. Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn của doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn của nhân dân.

- Từng bước tháo gỡ khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án; có chính sách hỗ trợ các hộ có đất bị thu hồi như hỗ trợ giống cây trồng, chuyển đổi nghề hoặc bố trí đất mới khai hoang.

- Có chính sách đền bù hợp lý, thoả đáng đúng theo quy định của Nhà nước khi chuyển đất nông nghiệp sang sử dụng vào các mục đích khác bằng các biện pháp cụ thể như: Đền bù tiền; hỗ trợ được chuyển sang góp vốn với các đơn vị sử dụng đất thực hiện các công trình dự án; đào tạo nghề, sử dụng lao động đối với những người có đất bị thu hồi.

- Định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân huyện có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ chương trình kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

4.3.2. Giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất

- Quản lý chặt chẽ, thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất khác, đặc biệt là chuyển sang đất phi nông nghiệp.

- Quản lý, giám sát chặt chẽ các cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp phải thực hiện theo hướng sử dụng có kế hoạch, tiết kiệm, hiệu quả.

- Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch; kịp thời phát hiện các vướng mắc để tổng hợp nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp.

- HĐND các cấp giám sát kiểm tra thực hiện kế hoạch để kịp thời có ý kiến cho UBND tổ chức quản lý thực hiện.

- UBND huyện tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện tốt quyền được giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Nâng cao hiệu quả cơ chế giám sát, công khai quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công của các cơ quan kiểm tra, kiểm toán, thanh tra của các cấp.

- Phát huy cơ chế giám sát cộng đồng, cơ chế giám sát độc lập từ khâu chủ trương đến khâu đánh giá kết quả. Kết quả giám sát, đánh giá độc lập này phải được xem là bắt buộc trong quá trình xét duyệt đầu tư công.

- Cương quyết, hạn chế và nhanh chóng chấm dứt việc giao đất đầu tư xây dựng trong khi chưa có các kế hoạch cụ thể để thực hiện đầu tư hạ tầng. Đây là tình trạng dễ dẫn đến việc xây dựng các khu dân cư không hoàn chỉnh, gây ra những tổn hại về môi trường do thiếu công trình cơ sở hạ tầng.

4.4. Các giải pháp khác

4.4.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

Các vị trí trong kế hoạch sử dụng đất phải nằm trong hệ thống quy hoạch (quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, các quy hoạch ngành và lĩnh vực) để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và bố trí sử dụng hợp lý quỹ đất trên phạm vi toàn tỉnh Hà Giang nói chung và trên phạm vi huyện Bắc Mê nói riêng đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh. Kiên quyết thu hồi đất đối với những dự án đã được giao, cho thuê đất nhưng không thực hiện đầu tư đúng thời gian quy định, sử dụng đất không hiệu quả, sử dụng đất trái mục đích được giao, thuê; ngăn chặn có hiệu quả tình trạng mua bán, chuyển nhượng, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép. Phát huy tốt vai trò của người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị trong quản lý tài nguyên đất đai.

** Về chính sách tài chính đất đai:*

Nhà nước có chính sách tạo nguồn về tài chính để các chủ thể thực hiện đúng tiến độ các dự án theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Có chính sách điều tiết giá trị gia tăng từ đất do Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất mang lại; điều tiết các nguồn thu từ đất để cân đối, phân phối hợp lý tạo nguồn lực phát triển đồng đều giữa các vùng miền; cải cách hệ thống thuế có liên quan đến đất đai và bất động sản nhằm ngăn chặn tình trạng chuyển nhượng đất vì mục đích đầu cơ.

** Về quản lý sử dụng đất:*

+ Xây dựng các quy định pháp lý để quản lý và bảo vệ các vùng trồng lúa, vùng phát triển rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên.

+ Xây dựng và ban hành quy định để xác định rõ trách nhiệm cụ thể giữa tỉnh và địa phương, trong từng ngành, từng cấp, trong từng cơ quan, đơn vị,

trách nhiệm tập thể và cá nhân trong việc quản lý đất đai nói chung và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được quyết định, xét duyệt.

** Các chính sách đối với nông nghiệp và phát triển nông thôn:*

- Chính sách đối với đất trồng lúa:

+ Chính sách hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất lúa: khuyến khích khai hoang mở rộng diện tích; hỗ trợ khâu sản xuất, thu hoạch, bảo quản lúa và khâu tiêu thụ lúa.

+ Xây dựng chế tài trong công tác quản lý và thực hiện quy hoạch sử dụng đất lúa, nhằm xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Chính sách bảo vệ và phát triển rừng:

+ Ưu tiên giao đất, giao và khoán rừng phòng hộ cho các cộng đồng, hợp tác xã, hộ gia đình để quản lý bảo vệ và hưởng lợi lâu dài theo quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Tạo điều kiện cho chủ rừng thực hiện quyền sử dụng đất, sử dụng và sở hữu rừng theo quy định của pháp luật.

+ Tăng ngân sách đầu tư của Nhà nước cho quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

** Chính sách đất đai đối với phát triển đô thị*

- Có chính sách điều chỉnh quá trình phát triển đô thị phù hợp với tốc độ phát triển công nghiệp phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động.

- Cơ chế quản lý đô thị nhằm khắc phục tình trạng mất cân đối trong cơ cấu sử dụng đất đô thị về đất ở với đất xây dựng cơ sở hạ tầng.

** Chính sách đối với phát triển hạ tầng*

- Cơ chế tạo quỹ đất để thu hút đầu tư phát triển, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Có các giải pháp và chính sách cụ thể bảo đảm quỹ đất cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, trong đó lưu ý đất cho xã hội hóa các lĩnh vực này.

- Có chính sách đầu tư hạ tầng đối với quỹ đất ít có khả năng nông nghiệp để làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp và phát triển khu dân cư mới nhằm hạn chế đến mức thấp nhất việc chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

** Cơ chế, chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch*

- Thực hiện các chính sách ưu đãi để tạo sức thu hút phát triển các ngành dịch vụ, du lịch; có chính sách bồi thường, hỗ trợ linh hoạt đối với các trường hợp thu hồi đất; ưu tiên dành quỹ đất tái định cư để bố trí cho các hộ bị giải tỏa, thu hồi đất; đầu tư kết cấu hạ tầng tại các khu tái định cư nhằm ổn định đời sống của nhân dân. Tạo việc làm cho lao động nông nghiệp khi bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp; tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất sản xuất nông nghiệp đối với hộ gia đình nông dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc ít người.

- Hỗ trợ về quảng cáo giới thiệu hình ảnh của doanh nghiệp, giới thiệu sản phẩm trên Website của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Du lịch.

- Hỗ trợ một phần kinh phí cho việc xây dựng hệ thống biển báo, biển chỉ dẫn cho khách tham quan du lịch; phát hành ấn phẩm quảng bá, tổ chức hội thảo quảng bá xúc tiến du lịch.

** Cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa và thể thao*

- Cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất: Giảm giá hoặc có chính sách tương ứng.
- Ưu đãi về tiền thuê đất: Có các chế độ miễn giảm phù hợp.
- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế xuất, nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, lệ phí trước bạ.
- Chính sách đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và dự án xã hội hóa.

4.4.2. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Tiếp tục nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ, tăng cường khả năng đóng góp của khoa học công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường của huyện. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất vào đời sống, nhất là trong sản xuất, bảo quản, chế biến các loại nông sản; không nhập các thiết bị có công nghệ lạc hậu cũng như thiết bị gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. Có các chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư đưa các công nghệ mới, tiên tiến vào sản xuất.

- Ưu tiên nghiên cứu chọn tạo các giống cây (lúa, ngô, lạc), vật nuôi chủ lực có chất lượng cao của huyện; xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất hạt giống, nhằm chủ động đảm bảo an ninh lương thực trong điều kiện biến đổi khí hậu. Phát triển cây công nghiệp, cây dược liệu có năng suất, chất lượng cao hình

thành vùng sản xuất hàng hóa, gắn với chế biến, xây dựng thương hiệu. Nâng cao hiệu quả kinh tế rừng, vườn rừng.

- Xây dựng được các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ mới, làm cơ sở hỗ trợ sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tập trung phát triển theo hướng an toàn, VietGAP.

- Đẩy mạnh phát triển các mô hình ứng dụng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ gắn với du lịch tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ gia đình nhằm thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước đến với huyện và tỉnh.

- Xây dựng mối liên kết bền vững với các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn nhằm phát triển công nghệ sinh học của tỉnh tiên tiến, bền vững, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

- Ứng dụng khoa học công nghệ phát triển hệ thống thương mại để đa dạng loại hình phục vụ hướng đến đảm bảo đầu ra ổn định cho các sản phẩm hàng hóa.

- Khuyến khích nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất các loại vật liệu nhẹ, siêu nhẹ dùng để làm tường, vách ngăn (gạch siêu nhẹ, tấm sàn bê tông xi măng nhẹ), vật liệu chống cháy, chậm cháy, vật liệu cách âm, cách nhiệt, cách điện (vách ngăn chống cháy cách nhiệt), tiết kiệm năng lượng; sản xuất các vật liệu mới từ nguyên liệu địa phương, đặc biệt từ gỗ, tre, trúc; sản xuất các sản phẩm nội thất và sản phẩm tiêu dùng.

4.4.3. Giải pháp về thông tin và truyền thông

Xây dựng kế hoạch sử dụng đất và thực hiện kế hoạch cần có sự tham gia đầy đủ của các tổ chức, các nhân sử dụng đất. Cần lựa chọn các phương tiện thông tin và truyền thông phù hợp để mọi đối tượng nắm bắt được đầy đủ các thông tin về quy hoạch, kế hoạch. Ngoài ra giáo dục pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai cần được chú trọng, quan tâm; để nâng cao trình độ cho các bộ quản lý đất đai và nhận thức của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, đúng pháp luật.

4.4.4. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu

- Hạn chế tối đa việc cắt taluy làm đường giao thông, trường hợp bắt buộc phải có giải pháp gia cố taluy; nghiêm cấm việc cắt taluy xây dựng nhà cửa và các công trình công cộng, cắt mất chân của sườn dốc tự nhiên; đồng thời tổ chức trồng rừng tại các khu vực lân cận nhằm giảm hiện tượng quá bão hòa nước gây ra trượt lở đất đá.

- Hạn chế tối đa phát triển các công trình dân sinh, đối với các điểm sạt lở do taluy làm đường tiến hành gia cố taluy, các taluy do làm nhà ở của người dân cần tạo cơ chế đất đai di chuyển sang nơi ở mới; đối với điểm sạt lở do tự nhiên không bố trí phát triển các công trình dân dụng, cần khảo sát kỹ lưỡng làm rõ nguyên nhân, trong đó tập trung giải pháp trồng rừng phòng hộ.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê được xây dựng trên cơ sở phân tích, đánh giá, tổng hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hiện trạng sử dụng đất, tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước, tiềm năng đất đai của huyện. Các chỉ tiêu sử dụng đất được tổng hợp từ nhu cầu của các ngành, các lĩnh vực.

Kế hoạch sử dụng đất đã tập trung giải quyết các vấn đề chủ yếu về đất đai, tạo điều kiện cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuẩn bị kết cấu hạ tầng và nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các thành phần kinh tế.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Mê có ý nghĩa quan trọng trong việc xác lập sự ổn định về mặt pháp lý đối với công tác quản lý Nhà nước về đất đai, là căn cứ để tiến hành giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hút đầu tư, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường theo hướng sử dụng đất bền vững.

2. Kiến nghị

Ủy ban nhân dân huyện Bắc Mê kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện để Ủy ban nhân dân huyện có căn cứ để giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn.

Để đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh bền vững, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển các ngành nông - lâm - thủy sản, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện về kinh phí, nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài cho huyện để thực hiện đồng bộ các dự án./.